

CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Ngày 17 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 077 3 980 111

Fax : 077 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 12, Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 08 38 63 63 16

Fax : 08 38 688 373

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2016. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 17/04/2017 tại đường dẫn <http://www.superdong.com.vn//Pages/QHCD.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10, đường 30/4, khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Website: www.superdong.com.vn



SKG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016

MỤC LỤC



THÔNG TIN CHUNG	1
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	23
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	41
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	53

61	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
67	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
77	QUẢN TRỊ CÔNG TY
87	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN





THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro





SỰ LỰA CHỌN HOÀN HẢO
www.superdong.com.vn

Trụ sở chính

Số 10, Đường 30/4, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại: 077 3 980 111

Fax: 077 3 846 180

Phòng vé Rạch Giá

Địa điểm 1: Số 14 Tự do, P. Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Địa điểm 2: Khu L4, Lô 01, Đường 3/2, P. Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang

Điện thoại: 077 3 877 742

Fax: 077 3 877 741

VPĐD tại TP.Hồ Chí Minh

12 Nguyễn Ngọc Lộc P.14, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38 666 333

Fax: 08 38 688 363

Phòng vé Hà Tiên

11 Trần Hữu, P. Bình San, Hà Tiên, Kiên Giang

Điện thoại: 077 3 955 933

Fax: 077 3 955 989

Phòng vé An Thới

Cảng Quốc tế An Thới, Đường Nguyễn Văn Cừ, KP1, Thị trấn An Thới, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại: 077 3 998 111

Phòng vé Nam Du

Ấp Củ Chon, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Kiên Giang

Điện thoại : 077 3777 989 – 077 3890 389





THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG
Tên giao dịch	:	SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	SUPERDONG FF (KG) JSC
Giấy CNĐKDN số	:	1700556108 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 06 năm 2016
Vốn điều lệ	:	342.712.420.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	342.712.420.000 VNĐ
Địa chỉ	:	Số 10 Đường 30/4, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Số điện thoại	:	(077) 3 980 111
Số fax	:	(077) 3 846 180
Website	:	www.superdong.com.vn
Email	:	superdong_2008@yahoo.com.vn
Mã cổ phiếu	:	SKG





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Kế thừa thương hiệu Superdong từ Công ty TNHH tàu cao tốc Kiên Giang, ngày 14/11/2007, Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang được thành lập với vốn điều lệ đăng ký là 9,6 tỷ đồng. Hoạt động chính của Công ty khi mới thành lập là vận tải hành khách và hàng hóa tuyến Rạch Giá – Phú Quốc bằng tàu cao tốc Superdong I, công suất 171 ghế.

2010

Ngày 22/01/2010, Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 cấp lần đầu ngày 14/11/2007 thay đổi lần 03 ngày 22/01/2010 do Ban quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc cấp với Vốn điều lệ đăng ký là 90 tỷ đồng. Thương hiệu Superdong được khách hàng tin tưởng lựa chọn, thể hiện bởi sự tăng trưởng mạnh về doanh thu và số lượng tàu sử dụng cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc là 03 tàu cao tốc, tổng công suất là 738 ghế, tăng 332% so với năm 2007.

2011

Tiếp nối thành công tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, Công ty mạnh dạn mở rộng địa bàn hoạt động sang tuyến mới Hà Tiên – Phú Quốc, nâng tổng số tàu hoạt động lên 04 tàu cao tốc, tổng công suất 1.044 ghế, tăng 41% so với năm 2010.

2014

Ngày 16/05/2014, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM ra quyết định số 185/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang với mã chứng khoán: SKG. Ngày 08/07/2014, toàn bộ 17.474.854 cổ phiếu SKG được chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Công ty tiếp tục khẳng định được thế mạnh và vị thế trên thị trường vận tải hành khách tới đảo Phú Quốc bằng tàu cao tốc, tổng công suất đạt 1.869 ghế, tăng 79% so với năm 2011.

2015

Công ty giữ vững vị trí dẫn đầu trên thị trường vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc, tạo đà cho việc mở rộng địa bàn hoạt động. Tuyến Rạch Giá – Nam Du chính thức hoạt động từ tháng 06 năm 2015.

Tổng số ghế được nâng lên 2.144 ghế, công suất khai thác bình quân đạt 70 - 75% cho 08 tàu cao tốc.

Khai trương dịch vụ xe trung chuyển tại cảng Bãi Vòng (Phú Quốc) vào tháng 08 năm 2015.

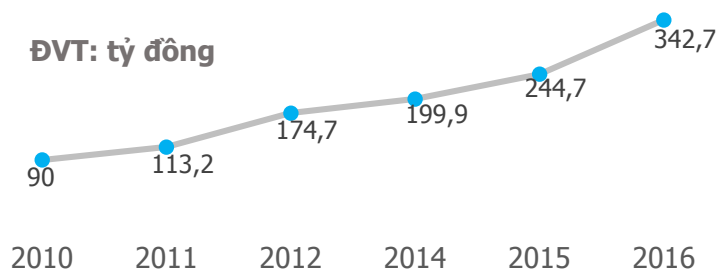
2016

Tàu cao tốc Superdong IX, Superdong X tiếp tục được đưa vào khai thác để đáp ứng nhu cầu gia tăng của hành khách, tổng số ghế đạt 2.684, tăng 26,7% so với năm 2015; biên lợi nhuận ròng tiếp tục được cải thiện, đạt mức 60%.

Sau 03 năm tích cực chuẩn bị, Công ty đã chính thức khởi động 02 dự án mới là phà vận chuyển hành khách, hàng hóa, phương tiện vận tải tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và tàu cao tốc tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo. Dự kiến 02 tuyến mới này sẽ được khai trương vào Quý II hoặc Quý III năm 2017.



Quá trình tăng vốn



Thời điểm	Vốn điều lệ	Hình thức
2010	90,0 tỷ	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang CTCP
2011	83,5 tỷ	Điều chỉnh vốn điều lệ đúng bằng số vốn thực góp
2011	108,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010
2011	113,2 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu
2012	147,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011
2012	171,3 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu
2012	174,7 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu
2014	199,9 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013
2015	244,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015
2016	342,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015

Thành tích đạt được trong quá trình hoạt động

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn)	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016.	09/11/2016	Tổng Thư Ký Hiệp Hội VAFE Mai Linh Da Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014	21/01/2015	Giám đốc Trương Hữu Cường
Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014	10/11/2014	Viện trưởng PGS.TS Nguyễn Mạnh Quân
Sở Công thương Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013	15/03/2013	Giám đốc Huỳnh Văn Gành
UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012	08/02/2013	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011	15/02/2012	Giám đốc Trương Hữu Cường
Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Đã có thành tích trong công tác xã hội từ thiện từ năm 2005 đến năm 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	26/01/2011	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ	Cúp vàng sản phẩm, dịch vụ xuất sắc lần II năm 2009	30/12/2009	Chủ tịch Hiệp hội DN VVN TS.Cao Sỹ Kiêm
UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc trong vận động, tài trợ kinh phí cho bệnh nhân và người nghèo Tỉnh Kiên Giang 5 năm (2003 – 2008)	28/11/2008	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Bùi Ngọc Sương



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
- ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
- ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- ✓ Khách sạn;
- ✓ Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- ✓ Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- ✓ Điều hành kinh doanh tour du lịch;
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Nắm bắt được tiềm năng phát triển của lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch của Việt Nam, hơn 10 năm qua Công ty luôn tập trung khai thác thế mạnh này và là đơn vị đứng đầu tại thị trường Kiên Giang. Hiện tại, đội tàu của Công ty gồm 12 tàu cao tốc, hoạt động trên 03 tuyến sau:

- ✓ Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong VI, VII, VIII và IX;
- ✓ Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, IV, V và X;
- ✓ Tuyến Rạch Giá – Nam Du: Tàu cao tốc Superdong I, II và XI.
- ✓ Riêng tàu cao tốc Superdong XII sẽ được luân chuyển linh hoạt giữa 03 tuyến trên.



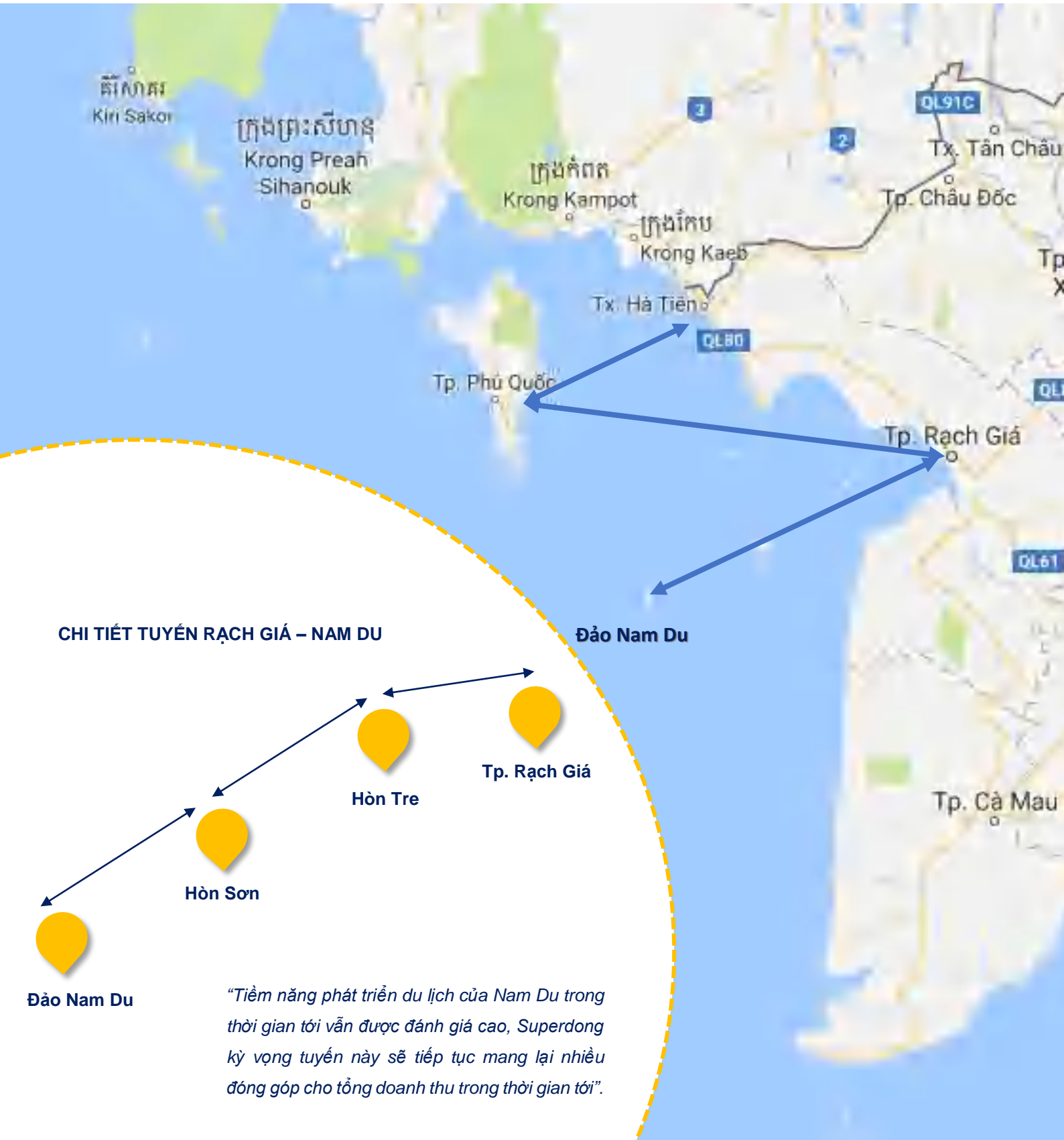
Bên cạnh thị trường truyền thống, Công ty đang khẩn trương triển khai hai dự án mới là tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc và tuyến tàu cao tốc Sóc Trăng – Côn Đảo; dự kiến, hai dự án này sẽ chính thức đi vào hoạt động trong Quý II hoặc Quý III năm 2017. Việc mở rộng thêm một lĩnh vực kinh doanh mới và một địa bàn kinh doanh mới sẽ là một cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển lớn mạnh của Công ty.

Năng lực hoạt động của tàu Superdong

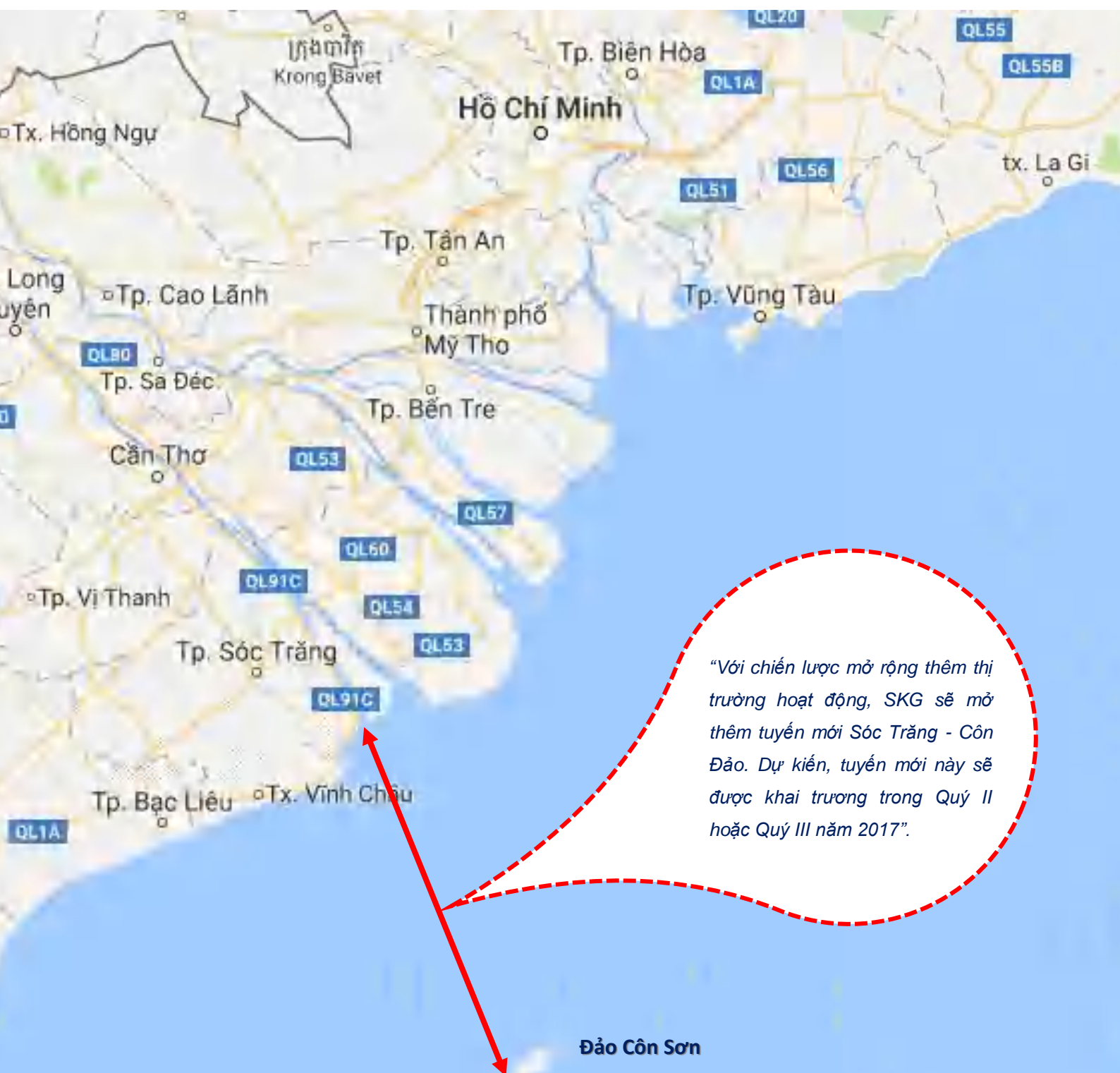
Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/giờ)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong I	1.176	171	26	10	2,5
Tàu Superdong II	1.518	261	30	12	2,5
Tàu Superdong III	2.080	306	30	13	2,5
Tàu Superdong IV	2.080	306	30	13	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong VI	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong VII	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong VIII	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong IX	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong X	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong XI	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong XII	1.518	275	27	12	-



Các tuyến tàu của Công ty



“Tiềm năng phát triển du lịch của Nam Du trong thời gian tới vẫn được đánh giá cao, Superdong kỳ vọng tuyến này sẽ tiếp tục mang lại nhiều đóng góp cho tổng doanh thu trong thời gian tới”.



“Với chiến lược mở rộng thêm thị trường hoạt động, SKG sẽ mở thêm tuyến mới Sóc Trăng - Côn Đảo. Dự kiến, tuyến mới này sẽ được khai trương trong Quý II hoặc Quý III năm 2017”.

Đảo Côn Sơn



Mô hình quản trị

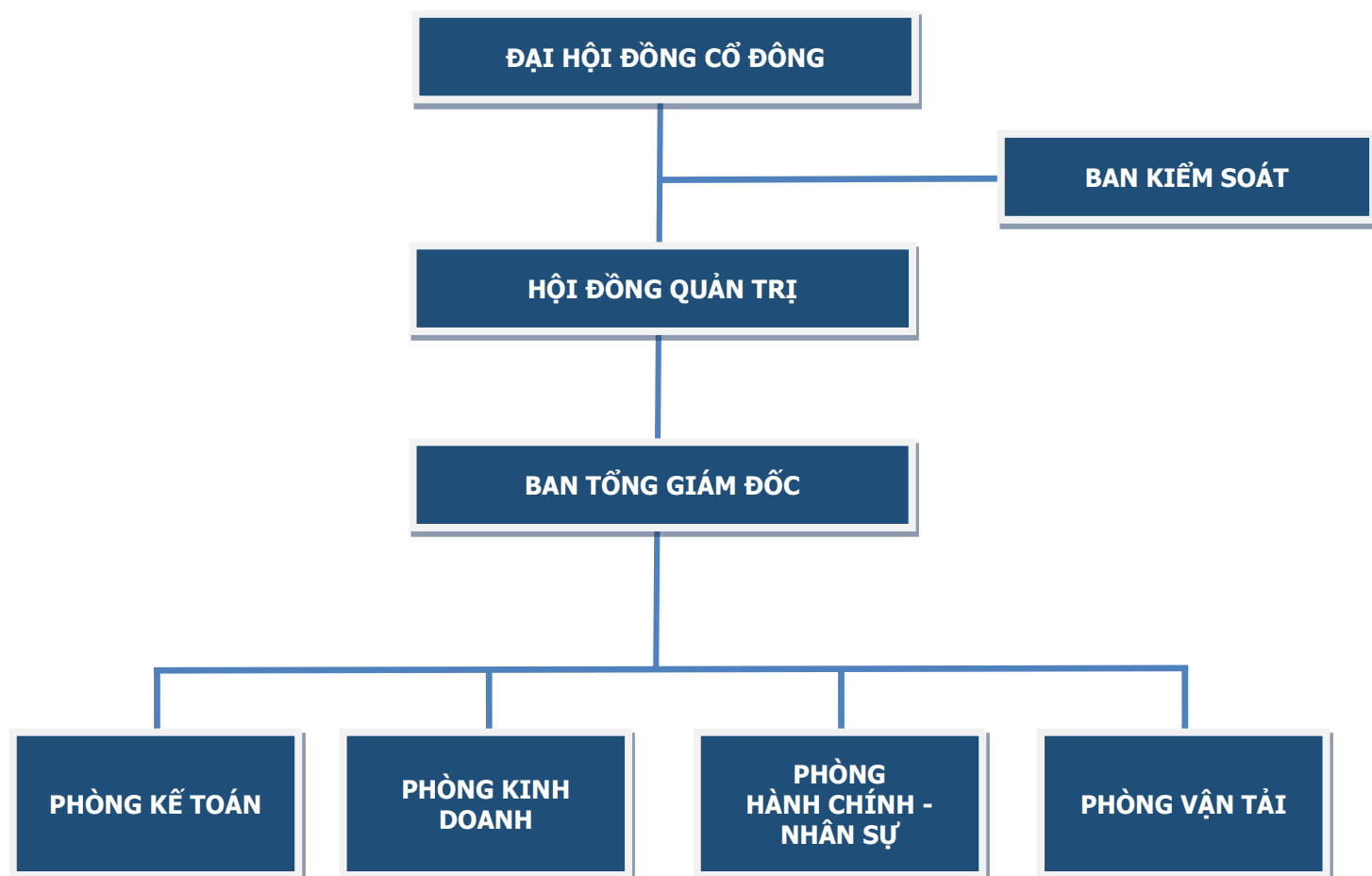
Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Khối chuyên môn nghiệp vụ: Khối Kế toán, Khối Kinh doanh, Khối Hành chính - Nhân sự, Khối Vận tải.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) không có công ty con, công ty liên kết.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhu cầu di chuyển là một trong ba nhu cầu thiết yếu, cơ bản nhất của con người gồm “ăn - ở - di chuyển”; ngày nay, khi xã hội đã phát triển tới một trình độ nhất định thì các nhu cầu này cũng được nâng lên tầm cao hơn, di chuyển không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu kiếm sống, mà còn đáp ứng cả nhu cầu hưởng thụ của con người. Giao thông giữa đất liền và các đảo du lịch thể hiện rõ nhất điều này; đây cũng chính là mục tiêu, đối tượng chính mà Công ty nhắm tới.

Công ty luôn cải tiến từng ngày nhằm mang lại cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất, qua đó củng cố vị trí dẫn đầu trên thị trường nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất, góp phần phát triển ngành vận tải đường thủy, tăng nguồn thu cho ngân sách và tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương.

Hơn 10 năm qua, Công ty đã đầu tư được đội tàu cao tốc hiện đại cùng đội ngũ nhân viên đầy kinh nghiệm, làm việc chuyên nghiệp và nghiêm túc, mạng lưới phân phối rộng rãi nhằm xây dựng, củng cố thêm thương hiệu Superdong, cam kết cung cấp cho khách hàng các giá trị cốt lõi gồm: “AN TOÀN - ỔN ĐỊNH – ĐÚNG GIỜ - THOẢI MÁI – TIỆN LỢI – DỊCH VỤ ĐA DẠNG – GIÁ CẢ HỢP LÝ”.

Đến nay, Công ty đã có 12 tàu cao tốc chuyên chở hành khách từ đất liền tới đảo Phú Quốc và đảo Nam Du; các dịch vụ đi kèm như xe trung chuyển, dịch vụ ăn uống nhanh cũng được triển khai để tối ưu hóa tiện ích cho khách hàng. Trong năm 2017, Công ty sẽ khai trương tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo và tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc nhằm đa dạng hóa loại hình kinh doanh, đa dạng hóa nhu cầu cho khách hàng.

**CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ
LÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI**



SỰ LỰA CHỌN HOÀN HẢO
www.superdong.com.vn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty trong thời gian tới:

- ✓ Tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hành khách, hàng hóa bằng tàu cao tốc và phà, đưa SKG trở thành một trong những công ty vận tải bằng đường thủy theo tuyến cố định có chất lượng tốt nhất, tạo dựng uy tín và niềm tin trong lòng khách hàng.
- ✓ Trong trung hạn và dài hạn, với xu hướng phát triển du lịch biển đảo, Công ty nhận định nhu cầu vận chuyển bằng đường thủy tại các địa phương trong nước, xa hơn là với các nước lân cận trong khu vực là một thị trường rộng lớn và tiềm năng chưa được khai thác đúng mức, do đó, Công ty luôn chủ động tìm hiểu, khảo sát, đánh giá các thị trường phù hợp nhằm tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động.



- ✓ Thực thi chiến lược nêu trên, sau 03 năm tích cực chuẩn bị, Công ty sẽ mở rộng thêm loại hình dịch vụ và địa bàn kinh doanh mới trong nửa cuối của năm 2017, gồm:
 - Công ty sẽ khai thác dịch vụ mới là triển khai mô hình phà chuyên chở hành khách, hàng hóa và các phương tiện vận tải như xe máy, xe tải, xe hơi từ 04 - 50 chỗ.
 - Triển khai dự án “Tàu cao tốc vận chuyển hành khách và hàng hóa tuyến Côn Đảo – Sóc Trăng”.
- ✓ Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi cần được củng cố bởi các lĩnh vực phụ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty; do đó, trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện đầu tư thí điểm các loại hình kinh doanh phụ trợ như: xây dựng khu cầu cảng phức hợp với các dịch vụ ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú, giải trí,... và dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển.



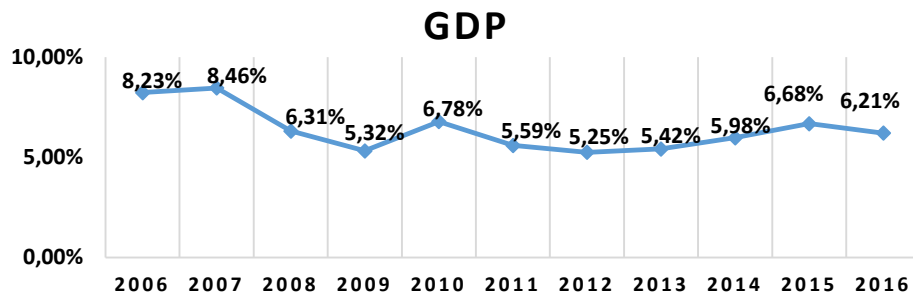


CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong năm qua mặc dù chưa thật sự bứt phá về tăng trưởng nhưng nhìn chung vẫn có nhiều điểm sáng, ngoại trừ các ngành về lâm nghiệp và khai khoáng. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động khá phức tạp thì kinh tế nước ta vẫn tăng trưởng 6,21%, thấp hơn năm 2015 song vẫn cao hơn mức tăng trưởng bình quân giai đoạn năm 2011 - 2015.

Năm 2016 được coi là thành công trong việc kiểm soát lạm phát. Trong bối cảnh Chính phủ điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế, giáo dục và giá xăng dầu tăng giảm thất thường thì việc giữ được lạm phát ở mức dưới 5% là rất đáng mừng. Một trong những nguyên nhân làm CPI tăng thấp, không thể không nhắc đến yếu tố giá dầu trên thế giới đã được điều chỉnh giảm. Đây là nguyên liệu đầu vào của rất nhiều ngành nghề, đặc biệt là nhóm giao thông vận tải. Do đó, việc giá dầu đang dao động ở mức dưới 60 USD/thùng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong ngành.



Có thể thấy, sự ổn định của nền kinh tế xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nói chung và SKG nói riêng phát triển vững mạnh. Tình hình kinh tế năm 2017 được dự đoán có nhiều thuận lợi khi tiếp nối thành công năm cũ và nhờ sự thay đổi mạnh mẽ của hành lang pháp lý, cải cách cơ cấu kinh tế cùng với sự tăng trưởng cao của ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch sẽ tạo tiền đề tích cực cho kinh tế Việt Nam trong những năm tới đây.

Hoạt động chính của SKG hiện nay là vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường thủy, tập trung tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, đặc biệt là đảo Phú Quốc. Vì thế nhu cầu đi lại du lịch của hành khách sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Khi kinh tế tăng trưởng, đời sống xã hội được nâng cao và ổn định, kéo theo nhu cầu du lịch gia tăng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển. Ngoài ra, hưởng lợi từ nhiều chính sách ưu đãi từ Chính phủ, Phú Quốc đang trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn khi lượng khách du lịch đến với Phú Quốc ngày càng gia tăng khiến tiềm năng tăng trưởng vận tải đến hòn đảo này rất lớn. Nhờ đó, Công ty đã hạn chế được nhiều rủi ro trong bối cảnh kinh tế toàn cầu ngày càng khó khăn.

Rủi ro nhân sự

Do đặc thù ngành nghề là vận tải hàng khách bằng đường thủy nên yếu tố nhân sự vô cùng quan trọng đối với Công ty. Chỉ một sơ suất nhỏ trong công tác phục vụ, chăm sóc khách hàng hoặc thiếu nhân lực vào các mùa cao điểm có thể khiến Công ty mất đi vị trí và uy tín trong lòng hành khách. Ngoài các yếu tố chuyên môn về vận tải biển, cứu sinh, xử lý sự cố thì kỹ năng chăm sóc khách hàng, đảm bảo sự an toàn cho hành khách cũng hết sức quan trọng.

Để nâng cao kỹ năng cũng như tạo sự gắn kết với người lao động, Công ty luôn tuân thủ việc thực hiện những thỏa ước lao động chính đáng, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật và các đãi ngộ khác theo chính sách riêng của Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo và huấn luyện.

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Dầu DO vẫn là nguyên liệu chính để vận hành các tàu cao tốc. Từ nhiều năm qua, Công ty đã ký các hợp đồng mua hàng với các đối tác cung cấp có quy mô lớn và uy tín tại địa phương. Công ty sẽ chịu ảnh hưởng gián tiếp nếu diễn biến giá dầu trong thời gian tới biến động. Trong năm qua, giá dầu thô đã giảm và đang dao động dưới vùng giá 60 USD/thùng, trong khi nguyên liệu dầu lại chiếm khoảng 50% giá vốn hàng bán của SKG nên trong ngắn hạn, Công ty sẽ có một số lợi thế từ việc giá dầu thô có sự sụt giảm này. Về dài hạn, SKG vẫn có các phương án dự phòng để hạn chế rủi ro biến động giá dầu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đã niêm yết chứng khoán tại Sở GDCK Hồ Chí Minh nên mọi hoạt động của SKG đều chịu sự tác động bởi các văn bản pháp luật hiện hành như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hàng hải, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các luật khác.

Trong những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật đã thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra và để phù hợp với sự phát triển tất yếu theo thời gian. Nổi bật có thể thấy những điển hình như Luật doanh nghiệp 2014 và Luật Đầu tư 2014 chính thức có hiệu lực từ tháng 07/2015, Luật sửa đổi các Luật về Thuế 2014, Nghị định 60/2015/NĐ-CP chính thức có hiệu lực từ ngày 01/09/2015; ngoài ra, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giao thông đường Thủy nội địa 48/2014/QH13 cũng chính có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

Với mỗi văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh được sửa đổi, Công ty đều nghiên cứu kỹ lưỡng, thực hiện rà soát quy trình hoạt động nhằm đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. SKG cam kết luôn tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của mình.





CÁC RỦI RO

Rủi ro phương tiện thay thế

Hiện nay, để đến Phú Quốc, hành khách có thể lựa chọn phương tiện vận tải đường thủy hoặc hàng không. Việc các hãng hàng không đưa ra nhiều chương trình ưu đãi để thu hút khách hàng càng làm cho phương thức di chuyển này trở nên phổ biến và được ưu tiên sử dụng nhằm tiết kiệm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch từ xa đến với Phú Quốc; điều này cũng phần nào tác động đến doanh thu của Công ty.

Vận chuyển bằng máy bay tuy nhanh nhưng chi phí lại cao hơn giá dịch vụ tàu cao tốc. Quan trọng hơn, đối tượng hành khách chính của Công ty có sự khác biệt lớn so với các hãng hàng không, đó là người dân địa phương, người lao động tại đảo Phú Quốc, hành khách đi du lịch theo hành trình từ Đồng bằng sông Cửu Long hoặc Campuchia tới Phú Quốc; vì vậy sự phát triển của hàng không không mang tới tác động tiêu cực tới hoạt động của Công ty mà ngược lại sẽ góp phần gia tăng nhu cầu vận chuyển của SKG khi SKG trở thành kênh trung chuyển cho hành khách đi từ xa tới Kiên Giang hoặc từ Kiên Giang tới khác vùng khác trong nước và quốc tế.

Nhiều năm qua, SKG vẫn tiếp tục kết hợp với các công ty du lịch để trở thành một đầu mối vận chuyển hành khách trong các tour, đồng thời mở rộng các dịch vụ tiện ích trên tàu để hành khách thoải mái tận hưởng và thư giãn. Công ty tin tưởng vào các thế mạnh của mình, đồng thời cũng không chủ quan trước những thay đổi trong môi trường hoạt động.

Rủi ro môi trường

Sự an toàn của hành khách và nhân viên trên tàu được đặt lên trên hết, Công ty không vận chuyển trong điều kiện thời tiết không đảm bảo. Sự thay đổi của môi trường, khí hậu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu toàn cầu đang là vấn đề cần được quan tâm và chung tay giải quyết để giảm thiểu những ảnh hưởng xấu tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tới sức khỏe con người và môi trường sống của chúng ta.

Góp phần chung tay hành động vì môi trường, SKG đã có các biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa sự ảnh hưởng của mình đến môi trường biển như áp dụng công nghệ tiên tiến trong quá trình đóng tàu để giảm việc sử dụng nguyên liệu và khí thải carbon, hướng dẫn khách hàng tuân thủ quy định không xả rác xuống biển trong quá trình vận chuyển, cắt giảm những yếu tố tiêu tốn năng lượng không cần thiết tại khối văn phòng.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên thì những yếu tố khách quan khác như hỏa hoạn, thiên tai, các tai nạn đường thủy, ... có thể phát sinh trong quá trình hoạt động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của SKG. Do đó, Công ty luôn có các biện pháp phòng tránh kịp thời, ứng phó khoa học, tuân thủ đúng các quy định về đăng kiểm và an toàn hàng hải, cũng như trang bị áo phao, mua bảo hiểm đầy đủ đúng hạn.



I **D** **E** **N** **T** **I** **F** **I** **F** **Y**
R
S
K



- Ban Điều hành Công ty
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Những thay đổi trong Ban Điều hành
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ





BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Hải Anh	Kế toán trưởng



Ông **Puan Kwong Siing**
Thành viên HĐQT kiêm TGD

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác	
1987 – 1989	Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD
1994 – 1999	Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD
1990 đến 05/2014	Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN.BHD
1990 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: – Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; – Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; – Trillion Leader SDN.BHD
2008 – 2009	Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
2010 đến nay	– Tổng giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang – TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: – Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; – Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; – Trillion Leader SDN.BHD
Số lượng CP nắm giữ	7.380.280 cổ phần chiếm tỷ lệ 21,53% VDL



Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng**
Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	1979
Trình độ chuyên môn	Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
2001 - 2007	Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam
2008 - 2010	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan
2011 đến 05/2016	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
06/2016 đến nay	Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	9.091 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,03% VDL



Bà **Lưu Hải Anh**
Kế toán trưởng

Năm sinh	1975
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán - Tài chính; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Kế toán trưởng.
Quá trình công tác	
1997 – 1998	Công ty TNHH Hoàng Phương
1998 – 2005	Công ty TNHH Hợp Phước
2006 – 2007	Công ty Cổ phần Saigonpart
2008 – 2009	Công ty Cổ phần Emteck
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	7.144 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,01% VDL



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Quách Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ
Ông Ting Chek Hua	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Puan Chiong	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT không điều hành



Bà **Hà Nguyệt Nhi**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh	1981
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">– Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp– Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004
Quá trình công tác	
2003 – 2007	Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2008 – 2009	Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
2010 – 2011	Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
04/2011 đến 04/2014	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
2012 - 04/2014	Giám đốc Hành Chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
04/2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	1.138.728 cổ phần chiếm tỷ lệ 3,32% VDL





Bà Quách Hồng
TV HĐQT không Điều hành

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	<ul style="list-style-type: none">– Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp– Quản trị Doanh nghiệp cao cấp do Viện Quản trị Doanh nghiệp cấp ngày 20/04/1998– Đắc nhân tâm trong lãnh đạo hiện đại do Trường Doanh nhân Đắc nhân tâm – Dale Carnegie Vietnam cấp ngày 20/11/2009
Quá trình công tác	
1987 – 1993	Kinh doanh
1994 – 1996	Mở cơ sở may mặc xuất khẩu
1997 – 2001	Tổng vụ Công ty Cổ phần Shingmaou Paint
2002 – 2007	Giám đốc Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2007 – 2009	Giám đốc Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
08/2008 – 2016	Giám đốc Công ty cổ phần Đại Dương Xanh
06/2011 – 2016	Giám đốc Công ty cổ phần Quang Phương Thịnh
2010 - 04/2014	Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
03/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quang Phương Thịnh
06/2016 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần Đại Dương Xanh Phú Quốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty cổ phần Đại Dương Xanh Phú Quốc Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quang Phương Thịnh
Số lượng CP nắm giữ	2.348.351 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,85% VDL



Ông **Ting Chek Hua**
TV HĐQT không Điều hành

Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Khoa học chuyên ngành Kế toán và Máy tính do Đại học La Trobe, Victoria, Australia cấp năm 1990
Quá trình công tác	
1991 - 1992	Nhân viên Ngân hàng Hock Hua BHD
1992 - 1998	Môi giới cho Sarawak Securities S/B
1999 – 2002	Thương nhân
22/06/2002 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Trillion Leader S/B
2010 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty Trillion Leader S/B
Số lượng CP nắm giữ	614.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,79% VDL



Ông Puan Chiong
TV HĐQT không Điều hành

Năm sinh	1964
Trình độ chuyên môn	Có kinh nghiệm nhiều năm trong việc điều hành và quản trị doanh nghiệp
Quá trình công tác	
1989 - 1990	Trưởng phòng Marketing Công ty Sin Hwa Hin Enterprise
1990 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Sin Hwa Hin Enterprise SDN.BHD
2007 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD
2009 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Tien Grow Industrial SDN.BHD
2010 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
	Thành viên Hội đồng quản trị :
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">- Công ty Sin Hwa Hin Enterprise SDN.BHD- Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD- Công ty Tien Grow Industrial SDN.BHD
Số lượng CP nắm giữ	1.664.003 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,86% VĐL



Bà **Nguyễn Thị Hoa Lệ**
TV HĐQT không Điều hành

Năm sinh	1957
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Sử; Cử nhân Ngoại ngữ; Cao cấp chính trị; Quản lý kinh tế
Quá trình công tác	
1975 – 1987	Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin TP.HCM
1988 – 2012	<ul style="list-style-type: none">- Phó chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam- Phó chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP.HCM- Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương TP.HCM- Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Đoàn chủ tịch Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11- Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình
2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thương mại Hòa Giang
2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc Hòa Bình
2012 đến nay	<ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch HĐQT - TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam- TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hòa Bình - Phú Quốc
2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang Phú Quốc
2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác	<ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam- Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc Hòa Bình- Chủ tịch HĐQT CTCP Du Lịch Thương mại Hòa Giang- Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Phú Quốc- Chủ tịch HĐQT CTCP Hoà Giang Phú Quốc- Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh
Số lượng CP nắm giữ	<ul style="list-style-type: none">- CP sở hữu: 346.325 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,01% VDL- CP đại diện: 1.117.653 cổ phần chiếm tỷ lệ 3,26% VDL



Ông **Lê Vũ Nam**
TV HĐQT độc lập

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	PGS.TS Luật Kinh tế
Quá trình công tác	
2000 - 2006	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, nay là Sở GDCK TP.HCM
2006 - 2010	Khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia TP.HCM
2010 đến nay	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM
04/2013 đến nay	TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát HOASENGROUP
Số lượng CP nắm giữ	14.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,04% VDL



Bà **Đặng Thị Ngọc Bích**
TV HĐQT không Điều hành

Năm sinh	1970
Trình độ chuyên môn	Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điều hành phòng kinh doanh
Quá trình công tác	
1995 - 2002	Nhân viên Công ty TNHH SX - DV - TM Ngọc Ánh
2003 - 2007	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2008 - 2009	Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
2010 - 09/2013	Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
09/2013 đến nay	Trợ lý Tổng giám đốc
2011 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	32.690 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,1% V&L



BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức Vụ
Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng Ban
Ông Lượng Văn Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên



Ông **Trương Hữu Lộc**
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Kế toán trưởng
Quá trình công tác	
2002	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Chihsin Industrial Việt Nam
2003 - 2005	Kế toán trưởng Công ty TNHH U-Ton Việt Nam
2006 - 2008	Kế toán trưởng Công ty TNHH Công nghiệp ZuHow Việt Nam
2009 - 2011	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Đăng Trường
2012 đến nay	Phó giám đốc Công ty TNHH Thương mại Trường Lợi
2010 đến 04/2013	Thành viên BKS CTCP tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
05/2013 - đến nay	Trưởng BKS CTCP tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Trường Lợi
Số lượng CP nắm giữ	7.840 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02% VDL



Ông **Lương Văn Hồng**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1971
Trình độ chuyên môn	Luật sư
Quá trình công tác	
1997 - 2007	Chuyên viên tư vấn pháp luật Tổng đài 1088 trực thuộc Bưu điện TP.HCM
2007 đến nay	Luật sư của Văn phòng luật sư Linh Đan
2010 – nay	Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Đảng ủy viên - Đảng ủy Đoàn Luật sư TP.HCM
Số lượng CP nắm giữ	11.687 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,03% VDL



Bà **Nguyễn Thị Ngọc Nhung**
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh	1986
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Luật Kinh tế
Quá trình công tác	
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng CP nắm giữ	8.033 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02% VDL



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tàu Cao tốc Superdong – Kiên Giang và kế hoạch kinh doanh của Công ty, ngày 26/05/2016 chính thức bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Kim Hồng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

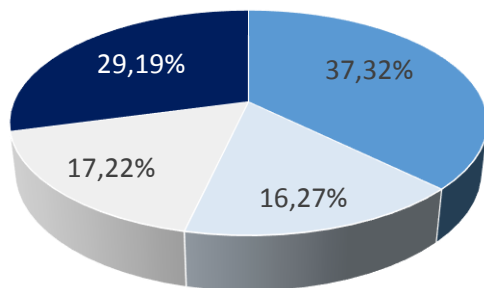


TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự tính đến thời điểm 31/12/2016

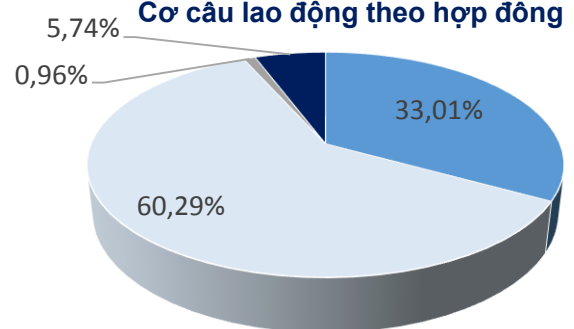
STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	209	100%
1	Trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học	78	37,32%
2	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	34	16,27%
3	Trình độ sơ cấp chuyên nghiệp	36	17,22%
4	Trình độ lao động phổ thông	61	29,19%
II	Theo loại hợp đồng lao động	209	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	69	33,01%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	126	60,29%
3	Hợp đồng thời vụ	02	0,96%
4	Hợp đồng thử việc	12	5,74%

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Cao đẳng, Đại học, Trên Đại học
- Trung cấp
- Sơ cấp chuyên nghiệp
- Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo hợp đồng



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng từ 1 - 3 năm
- Hợp đồng thời vụ
- Hợp đồng thử việc

Đánh giá chất lượng nguồn lao động

Ý thức được nhân lực là một phần không thể thiếu trong hoạt động kinh doanh nên trong thời gian qua, Công ty đã không ngừng tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng lao động nhằm phục vụ khách hàng một cách chu đáo nhất. Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên, thuyền viên có tuổi đời trẻ, sức khỏe tốt, có khả năng thích nghi với môi trường kinh doanh hiện đại được đào tạo bài bản chuyên nghiệp và có khả năng ngoại ngữ, trải qua nhiều khóa học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về quản lý, tư vấn, giám sát lẫn kỹ năng chăm sóc khách hàng và các kỹ năng phụ trợ khác nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc.

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật: 8 giờ mỗi ngày và không vượt quá 48 giờ một tuần. Do hoạt động kinh doanh của Công ty mang tính thời vụ cao nên người lao động sẽ được sắp xếp làm thêm giờ khi cần thiết; đồng thời, Công ty cũng có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động với các mức đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Người lao động được nghỉ lễ và Tết theo quy định của pháp luật về lao động, những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên sẽ được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo số tháng thực tế làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty, nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép theo quy định. Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo quy định Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế.

Điều kiện làm việc

Toàn bộ nhân viên Công ty được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, thân thiện, được trang bị 03 bộ đồng phục/năm/nhân viên, được tham gia các khóa đào tạo về an toàn lao động, trang bị bảo hộ đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty triển khai chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho người lao động.



Đào tạo

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc cử nhân viên, thuyền viên tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành và nâng cao phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công tác hiện tại, định hướng phát triển bản thân và Công ty. Người lao động phải có trình độ chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm và kỹ năng tốt đáp ứng yêu cầu công việc.

Trong năm 2016, Công ty đã tạo điều kiện cho một số nhân viên tham gia các khóa học nghiệp vụ nâng cao, sau khi được cấp chứng chỉ, các nhân viên này đã được bố trí vào các vị trí phù hợp và nhận được mức thu nhập tốt hơn trước. Đặc biệt, Công ty đã mở lớp bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp cho khối lao động trực tiếp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của khách hàng, qua đó xây dựng thương hiệu Superdong ngày càng vững mạnh.

Kế hoạch năm 2017, Công ty sẽ triển khai hệ thống đặt vé và thanh toán trực tuyến, để tận dụng tốt ưu thế từ đầu tư công nghệ, nâng cao năng suất lao động, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng vi tính, Anh văn giao tiếp cho nhân viên khối lao động trực tiếp.

Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương cạnh tranh, phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

Năm	Lương bình quân	Tỉ lệ tăng (%)	Giải trình
2010	7.752.000	+92,4%	Tăng cao do tuyển dụng nhiều nhân viên ở cấp bậc quản lý.
2011	9.596.000	+23,8%	Tăng cao do tuyển dụng nhân sự chủ chốt mới.
2012	9.509.000	-0,9%	Thực tế, tỉ lệ tăng lương từ 3 – 40% tùy từng công việc, tuy nhiên do thường xuyên nhập khẩu tàu mới nên Công ty phải tuyển mới lao động liên tục. Nhân viên mới có mức lương thấp nên ảnh hưởng đến lương bình quân chung toàn Công ty.
2013	9.083.000	-4,8%	
2014	8.084.000	-11,0%	
2015	8.115.909	+0,4%	Năm 2015, tỉ lệ tăng lương thực tế từ 5% đến 30%, tuy nhiên việc tuyển 57 nhân sự mới có mức lương thấp so với mặt bằng chung đã tác động tới mức lương bình quân toàn Công ty.
2016	8.570.426	+10,0%	Tăng từ 8 – 13% tùy từng vị trí công việc, trong đó cấp quản lý tăng từ 8 – 10%, cấp nhân viên tăng 13%.
Dự kiến 2017	8.998.000	+5%	Tăng từ 5 – 15%, tùy từng vị trí công việc, trong đó, cấp quản lý tăng từ 5 – 10%, cấp nhân viên tăng 15%.

Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích toàn thể nhân viên làm việc tích cực, nâng cao năng suất lao động và cống hiến cho sự phát triển của Công ty, SKG có các chính sách thưởng định kỳ thỏa đáng cho các cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty. Thưởng cuối năm, thưởng trong các dịp như: Tết Dương lịch, Ngày 08/03, Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày 30/4 - 01/05, Ngày 02/09.

Chế độ thưởng tết 2016: từ 01 tháng đến 03 tháng lương tùy theo thâm niên và sự đóng góp của từng cá nhân trong công việc.

Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm: Người lao động đã ký hợp đồng có thời hạn từ 3 tháng trở lên đều được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng theo quy định.

Phúc lợi: Trong năm 2016, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho từng nhân viên, phát đồng phục làm việc và các trang thiết bị bảo hộ cần thiết cho nhân viên.

Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty đều nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, nội quy, quy chế đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp Thuế thu nhập cá nhân, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.

Kế hoạch nhân sự 2017

Năm 2017, Công ty sẽ triển khai hai dự án mới là phà vận chuyển tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và tàu cao tốc tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, do đó Công ty dự kiến sẽ tuyển dụng thêm một số nhân sự mới như sau:

- Lao động trực tiếp : 35 lao động với mức lương bình quân khoảng 8.000.000/người.
- Lao động gián tiếp:
 - TP.HCM : 03 lao động;
 - Rạch Giá : 02 lao động;
 - Phú Quốc : 04 lao động;
 - Hà Tiên : 02 lao động;
 - Sóc Trăng : 06 lao động;
 - Côn Đảo : 10 lao động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu





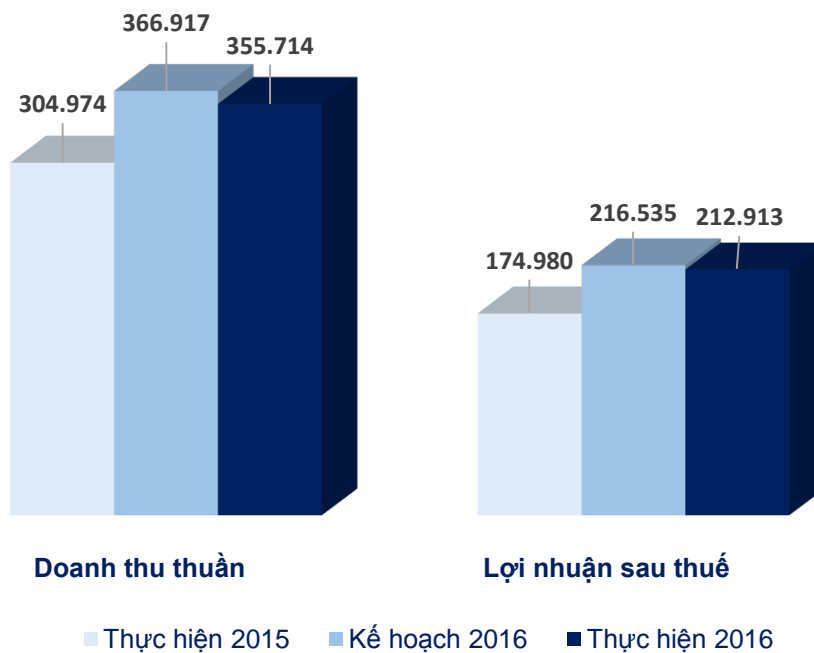


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	%TH/KH 2016	%TH 2016/2015
Doanh thu thuần	304.974.020.383	366.917.403.773	355.713.711.126	96,95%	116,64%
Lợi nhuận sau thuế	174.979.873.956	216.534.896.669	212.912.867.564	98,33%	121,68%
LNST/DTT	57,38%	59,01%	59,86%	-	-
LNST/VĐL	71,48%	63,18%	62,13%	-	-

SO SÁNH CÁC CHỈ TIÊU (ĐVT: Triệu đồng)



Theo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch tỉnh Kiên Giang thì năm 2016 vừa qua được xem là một năm thuận lợi cho ngành du lịch Việt Nam khi thu hút lượng khách quốc tế đến tham quan cán mốc kỷ lục đạt 10,01 triệu lượt khách, tăng 26,0% so với năm 2015; Phú Quốc cũng đạt được kết quả ấn tượng không kém khi đón hơn 2,65 triệu lượt khách du lịch, vượt 31,2% kế hoạch, tăng gần 62% so với năm 2015. Với khí hậu ấm áp quanh năm, đường bờ biển dài đầy cát trắng, nước trong xanh, hải sản phong phú cùng với những món ăn ngon đậm hương vị Miền Tây và hàng loạt các công trình du lịch đã và đang tiếp tục triển khai, Phú Quốc đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên bản đồ du lịch phía Nam, đây là điểm sáng quý giá thu hút rất nhiều khách du lịch đến tham quan và nghỉ dưỡng mỗi năm.

Để đáp ứng nhu cầu phục vụ du lịch đang tăng trưởng mỗi ngày ở Phú Quốc, số lượng người lao động tại các công trường, khu du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí tại Phú Quốc cũng tăng mạnh. Nhờ những yếu tố trên mà Công ty đã có một năm làm việc tương đối thuận lợi với kết quả kinh doanh khả quan. Theo đó, doanh thu thuần năm qua tăng trưởng 16,64%, lợi nhuận sau thuế tăng 21,68% so với năm 2015.

Tuyến Rạch Giá - Nam Du mới hoạt động được hơn một năm nhưng cũng đã chứng tỏ hiệu quả đem lại rõ nét, thị phần tại tuyến này đã tăng từ 50% lên tới 70% vào cuối năm 2016. Đảo Nam Du được đánh giá có nhiều tiềm năng phát triển du lịch khi sở hữu bãi biển trong xanh tuyệt đẹp, khí hậu ôn hòa, người dân thân thiện. Với lợi thế thương hiệu uy tín lâu năm kết hợp cùng tiềm năng phát triển và chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp sẽ tạo nên sức mạnh trong cạnh tranh của SKG trước các công ty khác cùng ngành.



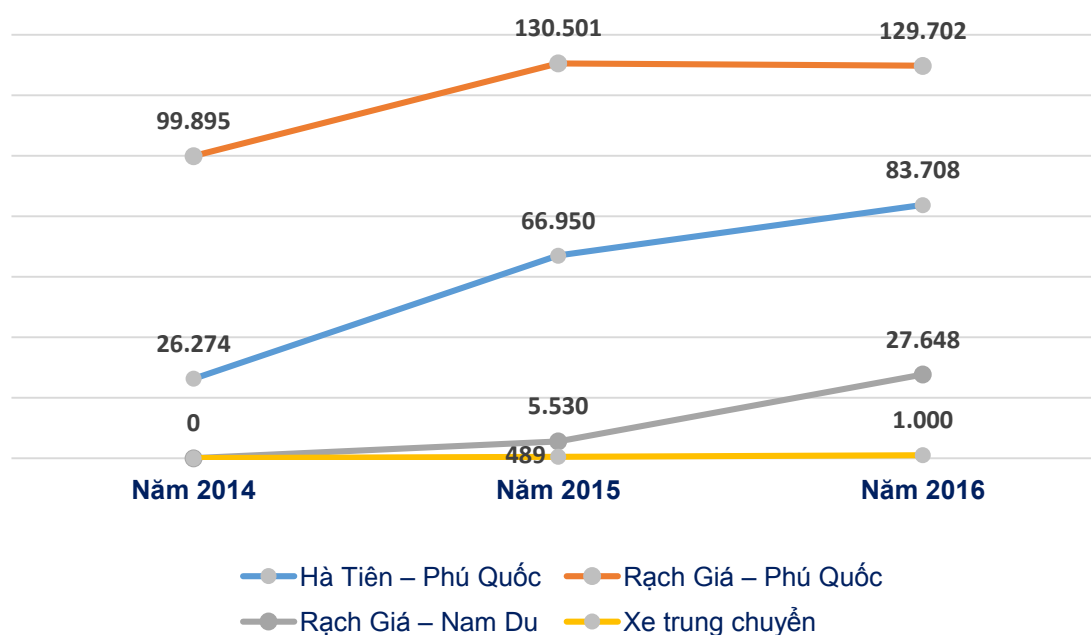
Cơ cấu doanh thu (ĐVT: Triệu đồng)

Tuyến tàu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	53.868	24,07%	101.303	33,22%	117.763	33,11%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	169.890	75,93%	189.425	62,11%	184.840	51,96%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	-	-	12.975	4,25%	50.469	14,19%
Xe trung chuyển	-	-	1.271	0,42%	2.641	0,74%
Tổng cộng	223.758	100%	304.974	100%	355.713	100%

Cơ cấu Lợi nhuận gộp (ĐVT: Triệu đồng)

Tuyến tàu	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	26.274	20,82%	66.950	32,90%	83.708	34,58%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	99.895	79,18%	130.501	64,14%	129.702	53,58%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	-	-	5.530	2,72%	27.648	11,42%
Xe trung chuyển	-	-	489	0,24%	1.000	0,40%
Tổng cộng	126.169	100%	203.470	100%	242.058	100%

**Lợi nhuận sau thuế qua các năm
(ĐVT: Triệu đồng)**



Năm qua, các mảng hoạt động mang lại doanh thu của Công ty được duy trì giống với năm 2015, theo đó có 04 mảng mang lại doanh thu chính là hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa tại 03 tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, Rạch Giá – Phú Quốc, Rạch Giá – Nam Du và dịch vụ xe trung chuyển.



Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc tuy có sự giảm nhẹ về doanh thu và lợi nhuận nhưng vẫn là mảng hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do sự tăng trưởng mạnh của hai tuyến còn lại, đặc biệt là tuyến Rạch Giá – Nam Du; chỉ tính riêng 06 tháng cuối năm 2016, số lượng hành khách đi tuyến này đã tăng gần 86% so với cùng kỳ. Ngoài ra, doanh thu và lợi nhuận của tuyến này còn chịu tác động bởi hai yếu tố khác; thứ nhất, việc điều chỉnh giảm 10.000 đồng/vé cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc vào đầu năm 2016 nhằm hỗ trợ chi phí đi lại cho hành khách khi giá dầu giảm; thứ hai là việc công ty cạnh tranh đưa 02 tàu cao tốc vào khai thác tuyến này từ nửa cuối tháng 11 năm 2016 với mức giá khuyến mại cực ưu đãi trong một tháng khai trương, thấp hơn 24% so với giá vé của Công ty đã tác động đáng kể tới thị phần trong một tháng đầu.

Hiện, giá vé của SKG vẫn không đổi và cao hơn công ty cùng ngành 15%, thị phần đã ổn định trở lại và sẽ không gây nhiều trở ngại cho sự tăng trưởng của Công ty trong thời gian tới do SKG vẫn luôn giữ vững được ưu thế của doanh nghiệp đầu ngành với chất lượng dịch vụ vượt trội, tốc độ nhanh, thời gian xuất và cập bến ổn định, đúng giờ và đa dạng...



Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc tiếp tục giữ vị thế là mảng hoạt động có tỷ trọng lớn thứ hai. Thời gian hành trình ngắn chỉ 1 giờ 20 phút và giá vé hợp lý (230.000 đồng) đã tạo động lực cho một số hành khách, đặc biệt là nhóm khách hàng tới từ các công ty du lịch, ưu tiên lựa chọn lịch trình này thay cho lịch trình đi từ Rạch Giá tới Phú Quốc; do đó, tuyến này tiếp tục có sự tăng trưởng tốt khi lợi nhuận mang lại đã tăng từ 66,95 tỷ đồng lên 83,71 tỷ đồng; tỷ trọng trong tổng lợi nhuận cũng có sự tăng nhẹ đạt mức 34,58%.

Trong năm, Tuyến Rạch Giá - Nam Du đã đạt được mức tăng trưởng rất ấn tượng khi lợi nhuận mang lại đã tăng đáng kể từ 5,53 tỷ đồng lên 27,65 tỷ đồng, tỷ trọng trong tổng lợi nhuận cũng đã tăng từ 2,72% lên 11,42%. Tiềm năng phát triển du lịch của Nam Du trong thời gian tới vẫn được đánh giá cao, kỳ vọng sẽ tiếp tục mang lại nhiều đóng góp cho tổng doanh thu trong thời gian tới.

Dù chiếm tỷ trọng nhỏ và được đưa vào khai thác không nhằm mục tiêu lợi nhuận mà chủ yếu củng cố vị thế dẫn đầu cho Công ty tại thị trường Phú Quốc, song dịch vụ xe trung chuyển vẫn đã có sự tăng trưởng ấn tượng trong năm, lợi nhuận mang lại từ mảng hoạt động này đã tăng đáng kể từ 488 triệu lên 1 tỷ đồng. Tiềm ích của dịch vụ xe trung chuyển được khách hàng ghi nhận và tin dùng vì đây là phương tiện di chuyển nhanh chóng, chi phí hợp lý. Công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động tại mảng dịch vụ này để tạo được sự kết nối liên tục trong chu trình phục vụ khách hàng.



Trong thời gian tới, thực hiện chiến lược mở rộng địa bàn kinh doanh, SKG sẽ mở thêm tuyến tàu cao tốc mới Sóc Trăng – Côn Đảo để mang lại nhiều thuận tiện hơn cho khách du lịch cũng như cư dân trên đảo trong việc kết nối giao thông với đất liền. Ngoài ra, việc bổ sung thêm loại hình vận tải bằng phà chuyên chở phương tiện vận tải, hàng hóa và hành khách phục vụ cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc cũng được kỳ vọng sẽ đưa kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lên tầm cao mới, tiếp nối chuỗi tăng trưởng tích cực đã kéo dài trong suốt hơn 10 năm qua.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm 2016, Công ty đã đầu tư đóng mới hai tàu cao tốc Superdong XI, Superdong XII với giá trị đầu tư mỗi tàu là 1,5 triệu Đô la Mỹ, hiện hai tàu này đã được đưa vào hoạt động nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu của hành khách trong các dịp cao điểm.

Quý IV năm 2016, Công ty tiếp tục đầu tư thêm 01 tàu phà cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và 01 tàu cao tốc cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, giá trị đầu tư của mỗi tàu là 2 triệu Đô la Mỹ; dự kiến 02 tàu này sẽ được bàn giao vào cuối Quý II hoặc đầu Quý III năm 2017.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

DVT: Đồng

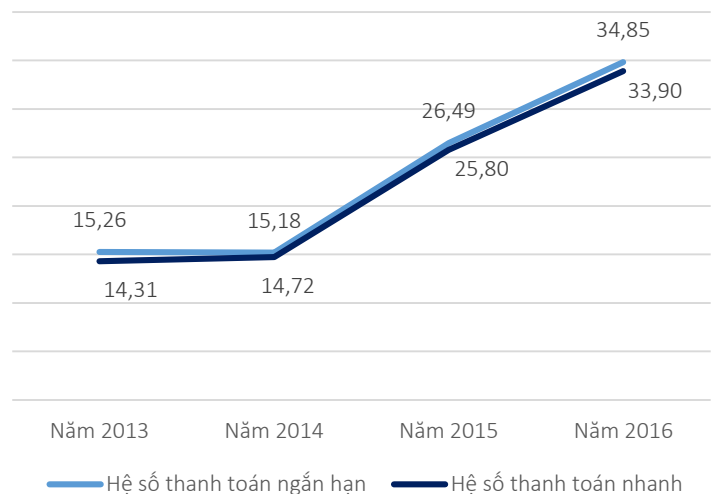
Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	% Tăng giảm
Tổng tài sản	527.340.614.344	714.796.186.726	35,55%
Doanh thu thuần	304.974.020.383	355.713.711.126	16,64%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	203.469.933.708	242.059.301.369	18,97%
Lợi nhuận khác	32.396.696	614.145.263	1795,70%
Lợi nhuận trước thuế	181.307.284.512	220.273.307.468	21,49%
Lợi nhuận sau thuế	174.979.873.956	212.912.867.564	21,68%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	26,49	34,85
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	25,80	33,90
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	2,26%	1,53%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,31%	1,56%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,07	12,19
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,58	0,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	57,38%	59,86%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	33,95%	30,25%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	33,18%	29,79%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	59,44%	61,75%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

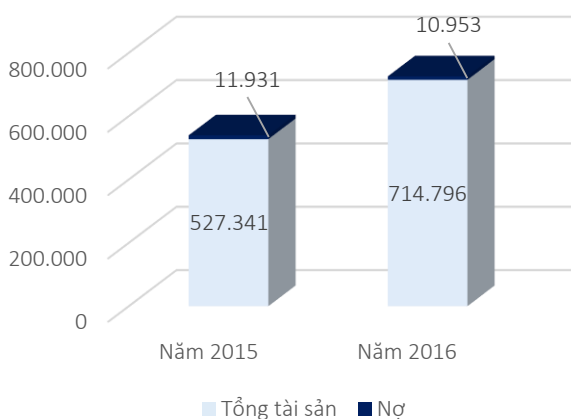
Trong những năm vừa qua, hệ số thanh toán của Công ty có biến động nhưng nhìn chung đều có sự gia tăng qua từng năm. Điều này cho thấy khả năng thanh toán của Công ty ngày càng vững mạnh. Năm vừa qua có thể xem là một năm thành công của SKG khi các hệ số thanh toán tiếp tục có sự gia tăng. Cụ thể, khả năng thanh toán trong ngắn hạn đã tăng lên 34,85 lần. Sau khi loại trừ rủi ro từ hàng tồn kho thì con số này vẫn còn duy trì ở mức rất cao là 33,90 lần. Năm 2016, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 20,76% so với năm trước, đạt mức 381,7 tỷ đồng chủ yếu do sự gia tăng đáng kể của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn; trong khi đó, việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi và sự sụt giảm của số dư các khoản thuế phải nộp Nhà nước tại thời điểm cuối năm đã làm nợ ngắn hạn giảm nhẹ 8,19%, đạt mức 10,95 tỷ đồng. Hàng tồn kho trong năm tăng 25,32% so với năm trước đạt mức 10,37 tỷ đồng do sự gia tăng của phụ tùng, dầu DO, nhiên liệu và vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh.



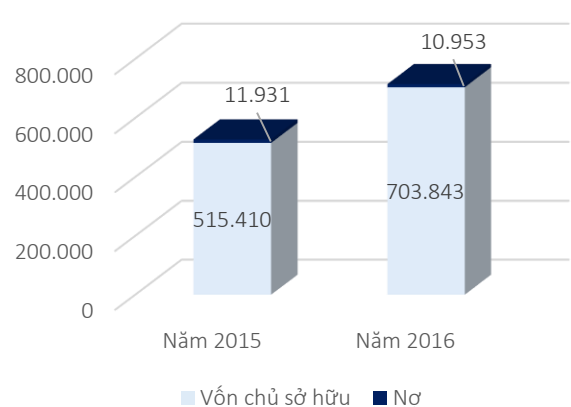
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn tiếp tục sụt giảm cho thấy Công ty vẫn duy trì chiến lược không sử dụng đòn bẩy, vốn dùng cho hoạt động kinh doanh trong năm cũng như phục vụ cho các quyết định đầu tư hoàn toàn được SKG sử dụng từ các nguồn tự có không vay từ các tổ chức tín dụng. Cũng chính vì vậy, áp lực về nợ mà Công ty phải chịu là cực thấp, ngoài ra trong năm nợ phải trả lại có sự sụt giảm điều này càng chứng minh rằng cơ cấu vốn của Công ty cho đến thời điểm hiện nay vẫn luôn được duy trì theo tính chất an toàn và thực sự bền vững.

Cơ cấu Nợ - Tổng tài sản
(ĐVT: Triệu đồng)



Cơ cấu Nợ - Vốn chủ sở hữu
(ĐVT: Triệu đồng)

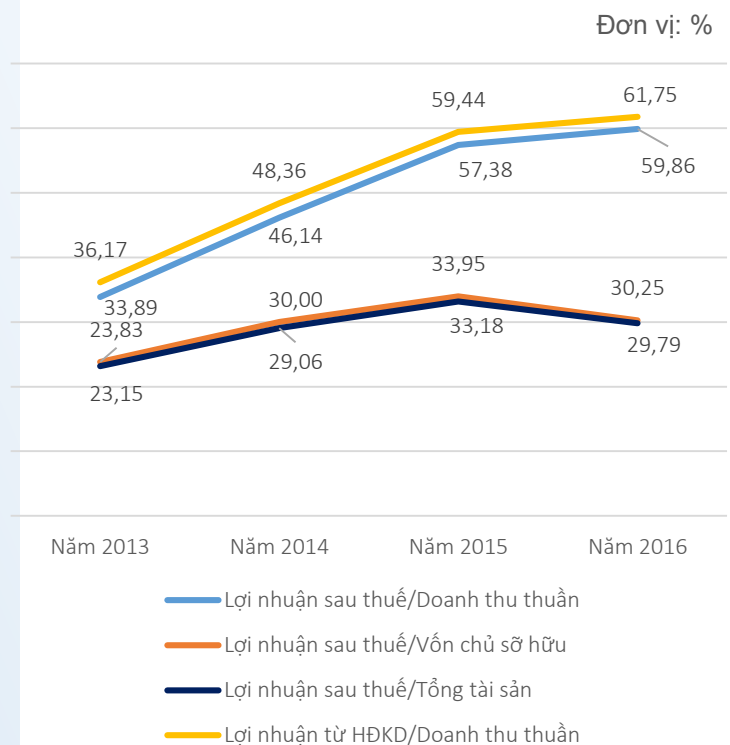
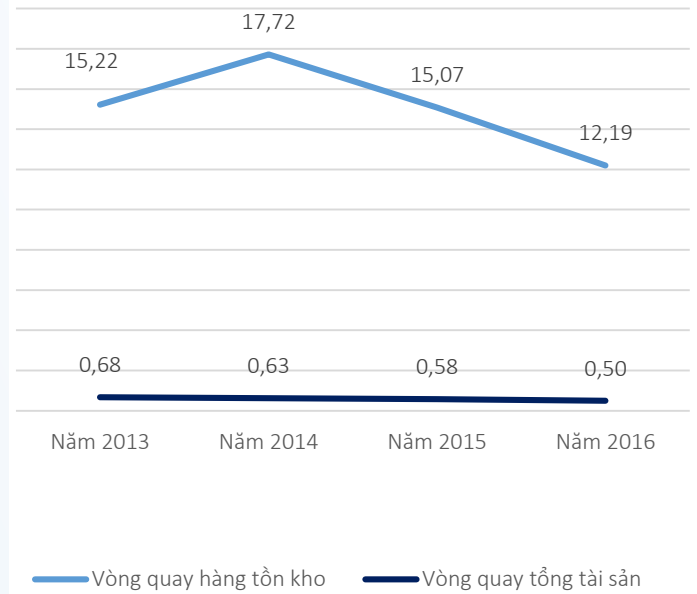


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2016, vòng quay hàng tồn kho tiếp tục sụt giảm so với năm trước đó, do có sự gia tăng về lượng hàng tồn kho, ở hầu hết các loại như phụ tùng hoạt động, dầu DO, nhiên liệu và vật liệu. Trong khi đó, giá vốn hàng bán lại có tốc độ tăng nhỏ hơn so với mức tăng của hàng tồn kho điều này là nguyên nhân chính giải thích vì sao vòng quay hàng tồn kho lại có sự chuyển biến như trên. Những năm gần đây, để phục vụ cho các chiến lược kinh doanh của mình, tổng tài sản của Công ty liên tục có sự gia tăng, trong năm 2016 khoản mục này tăng 35,55% chủ yếu do sự ghi nhận giá trị của tài sản cố định là các tàu được Công ty đầu tư đóng mới, đây là áp lực làm vòng quay tổng tài sản liên tục sụt giảm; tuy nhiên, các chiến lược này đang dần mang lại hiệu quả, điển hình là doanh thu các năm gần đây vẫn có sự tăng trưởng đáng kể, riêng trong năm 2016 đã tăng đến 16,64%, do đó Công ty không cho rằng đây là diễn biến xấu của tình hình kinh doanh mà nó chỉ là ảnh hưởng tạm thời từ các quyết định đầu tư tài sản cố định nhằm phục vụ cho quá trình tăng trưởng, mở rộng quy mô.

Khả năng sinh lời

Năm qua, vốn chủ sở hữu của Công ty tăng 36,56% so với năm trước, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ tăng lên đáng kể; bên cạnh đó, sự gia tăng của tổng tài sản là kết quả của các quyết định đầu tư đóng tàu mới đã làm các chỉ số sinh lời của SKG có nhiều diễn biến khác nhau. Cụ thể chỉ số LNST trên VCSH và LNST trên tổng tài sản đã có sự sụt giảm, tuy nhiên LNST và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần lại có sự gia tăng cho thấy Công ty vẫn duy trì được mức sinh lời tốt. Trong thời gian tới, khi các chiến lược kinh doanh và các quyết định đầu tư bắt đầu mang lại hiệu quả, các chỉ số sinh lời so với VCSH và tổng tài sản sẽ phục hồi trở lại.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ	: 342.712.420.000	Đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	: 34.271.242	Cổ phiếu
Mệnh giá	: 10.000	Đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	: 34.271.242	Cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	: 0	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 34.271.242	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	: 0	Cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

(Tính đến ngày 21/03/2016)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	1.656	17.497.457	51,05%
	Cổ đông tổ chức	26	1.766.283	5,15%
	Cổ đông cá nhân	1.630	15.731.174	45,90%
II	Cổ đông nước ngoài	99	16.773.785	48,95%
	Cổ đông tổ chức	28	5.725.956	16,71%
	Cổ đông cá nhân	71	11.047.829	32,24%
III	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
	Tổng cộng	1.755	34.271.242	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Quách Hồng	2.348.351	6,85%
2	Puan Kwong Siing	7.380.280	21,53%
3	Nguyễn Thị Thiên Hương	3.842.534	11,21%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, Công ty đã phát hành thêm 9.791.657 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ 40% để trả cổ tức năm 2015, nâng mức vốn điều lệ của Công ty từ 244.795.850.000 đồng lên 342.712.420.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

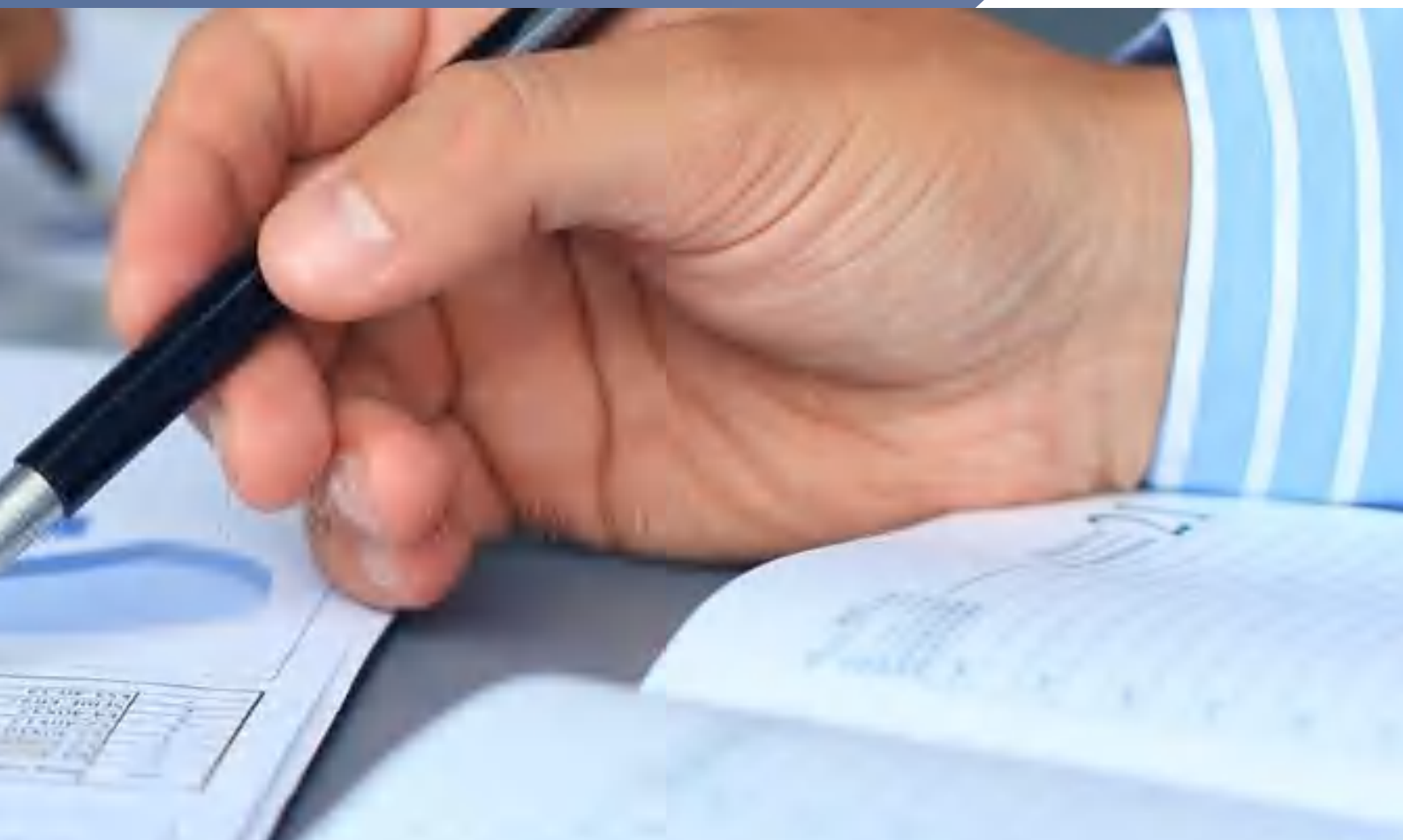
Không có



BÁO CÁO CỦA **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% TH 2016/TH2015	% TH/KH 2016
Doanh thu thuần	Triệu đồng	304.974	366.917	355.714	116,64%	96,95%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	181.275	223.719	219.659	118,97%	98,19%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	32	264	614	1.895,68%	232,58%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	181.307	223.984	220.273	121,49%	98,34%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	174.980	216.535	212.913	121,68%	98,33%
EPS	Đồng	5.106	6.318	6.213	121,68%	98,34%

Năm 2016, Công ty đã đưa thêm 02 tàu cao tốc Superdong IX, Superdong X vào hoạt động, nâng tổng số tàu lên thành 10 chiếc tàu cao tốc với tổng số ghế là 2.694, làm cho doanh thu tăng 16,64% so với năm 2015.

Trong năm, nhu cầu hành khách có sự chuyển biến khá rõ nét khi một bộ phận hành khách có xu hướng lựa chọn Nam Du thay cho Phú Quốc hay các khách đoàn, các công ty du lịch lại ưa thích di chuyển từ Hà Tiên tới Phú Quốc hơn, thay vì đi từ Rạch Giá. Do đó, số lượt khách đi tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và Rạch Giá – Nam Du có sự tăng trưởng mạnh, lần lượt là 17,3% và 73,8%.

Bên cạnh đó, Công ty cũng phải đối diện với những khó khăn mới khi giá nhiên liệu có chiều hướng tăng từ nửa cuối năm 2016, cùng với sự xuất hiện của 02 tàu cao tốc từ đối thủ cạnh tranh quen thuộc tại hai tuyến còn lại cũng tham gia hoạt động tuyến Rạch Giá – Phú Quốc. Bằng bản lĩnh, kinh nghiệm tích lũy trên 10 năm từ quá trình cạnh tranh để phát triển, Công ty đã nhanh chóng ổn định tình hình sau một tháng đầu bị xáo trộn về thị phần, bằng cách tăng cường nâng cao chất lượng dịch vụ, gắn kết chặt chẽ thêm với các đại lý, công ty du lịch, nắm bắt sát sao nhu cầu của hành khách để kịp thời đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường, tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng như các năm qua.





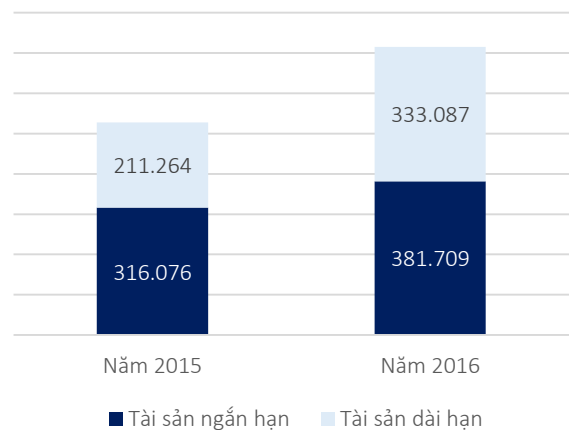
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	316.076	381.709	+20,76%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	211.264	333.087	+57,66%
Tổng tài sản	Triệu đồng	527.341	714.796	+35,55%
Vòng quay tài sản	Vòng	0,58	0,50	-13,79%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	33,18%	29,79%	-

Với kết quả hoạt động năm 2016, Công ty ghi nhận mức tăng trưởng đáng kể của tổng tài sản khi chỉ tiêu này tăng đến 35,55% so với năm trước đạt mức 714,8 tỷ đồng. Nguyên nhân của sự tăng trưởng này chủ yếu là do tài sản dài hạn tăng mạnh, đây là kết quả của việc đầu tư thêm tàu mới phục vụ kế hoạch hoạt động của SKG trong tương lai. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, cụ thể là tiền gửi có kỳ hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty.

Cơ cấu tài sản
ĐVT: triệu đồng



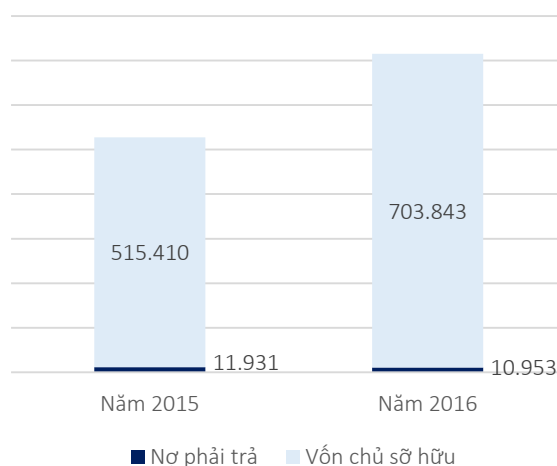
Về hiệu suất sử dụng tài sản, vòng quay tài sản năm 2016 giảm 13,79% từ mức 0,58 vòng xuống còn 0,50 vòng. Cả doanh thu thuần và tổng tài sản của Công ty đều có sự gia tăng so với năm trước, tuy nhiên do tài sản vẫn giữ tốc độ tăng nhanh hơn so với doanh thu làm mức hiệu quả sử dụng tài sản để mang lại doanh thu của SKG có sự sụt giảm so với năm trước. Mặc khác, hiệu suất mang lại lợi nhuận từ tài sản trong năm cũng đã giảm nhẹ 3,4% từ mức 33,18% xuống còn 29,79%, nguyên nhân chính do lợi nhuận sau thuế đã tăng với tỷ lệ thấp hơn sự gia tăng của tài sản, đây là kết quả của những chiến lược kinh doanh mà Ban lãnh đạo Công ty đã thực hiện trong suốt thời gian hoạt động vừa qua. Trong thời gian tới, khi các tàu mới được đưa vào khai thác, hiệu suất sử dụng tài sản và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản nhiều khả năng sẽ lấy lại được đà tăng trưởng.

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	11.931	10.953	-8,20%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ	Triệu đồng	11.931	10.953	-8,20%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	515.410	703.843	+36,56%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	527.341	714.796	+35,55%

Công ty vẫn duy trì chiến lược không sử dụng nợ vay dài hạn, vì thế nợ ngắn hạn cũng chính là tổng nợ phải trả trong năm, khoản mục này đã giảm 8,2% so với năm trước đạt mức 10,95 tỷ đồng. Việc sụt giảm của các khoản thuế phải nộp Nhà nước tại thời điểm cuối năm và quyết định sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chính là nguyên nhân chủ yếu làm tài sản ngắn hạn sụt giảm như đã phân tích.

Cơ cấu nguồn vốn
ĐVT: triệu đồng



Năm qua, vốn chủ sở hữu của Công ty tăng mạnh 36,56% so với năm 2015 đạt mức 714,8 tỷ đồng do khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ tăng lên đáng kể, đây là kết quả có được nhờ hoạt động kinh doanh trong năm gặp nhiều thuận lợi. Mặt khác, việc phát hành thành công cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu cũng đã làm vốn góp chủ sở hữu có sự gia tăng điều này góp phần lý giải những chuyển biến tích cực trong năm của vốn chủ sở hữu Công ty.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2016, cơ cấu tổ chức của Công ty vẫn được duy trì theo mô hình hoạt động đã được đề ra. Riêng về mặt quản lý điều hành có sự thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc, thể hiện bằng việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Kim Hồng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc nhằm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty.

Chính sách hoạt động của Công ty vẫn được duy trì theo hướng linh hoạt để vừa xử lý hiệu quả các tình huống kinh doanh phát sinh vừa tuân thủ các quy định của pháp luật. Hiện nay, SKG tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu về thị phần tại các tuyến hoạt động là Rạch Giá – Phú Quốc, Hà Tiên – Phú Quốc và Rạch Giá – Nam Du; khách hàng vẫn tin dùng các dịch vụ, tiện ích do Công ty cung cấp như dịch vụ xe trung chuyển tại cảng Bãi Vọng (Phú Quốc), dịch vụ quầy bar phục vụ đồ ăn, thức uống.

Trong tương lai, việc mở thêm 2 tuyến hoạt động mới là tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc và tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo sẽ là điểm tựa giúp SKG ngày càng khẳng định được vị thế của mình trên thương trường, đồng thời giúp cho kết quả kinh doanh của Công ty đạt được những con số mới ấn tượng hơn nữa so với những năm hoạt động vừa qua.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC năm 2016 của SKG. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến thêm.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc sẽ bám sát các mục tiêu kinh doanh và chiến lược trung – dài hạn của Công ty để đưa ra các kế hoạch triển khai cụ thể.

Ở thị trường truyền thống, Công ty tiếp tục đưa thêm tàu Superdong XI và Superdong XII đi vào khai thác nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động tại tuyến Rạch Giá – Nam Du và Hà Tiên – Phú Quốc, cũng như tăng cường hiệu quả cạnh tranh tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, đảm bảo công suất khai thác bình quân đạt khoảng 70%.

Về đầu tư mở rộng, tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo và phà Hà Tiên – Phú Quốc sẽ được khai trương vào Quý II hoặc Quý III năm 2017 với một tàu mới cho mỗi tuyến, phấn đấu công suất khai thác bình quân trong năm đầu tiên đạt từ 55% - 60%.

Để chuẩn bị cho các dự án mới và thích nghi với điều kiện kinh doanh mới, Công ty sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua công tác đào tạo, giám sát nhân viên tại khối lao động trực tiếp, tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của hệ thống đặt và thanh toán vé trực tuyến, tổ chức các sự kiện quảng bá, chương trình marketing nhằm phổ biến và in đậm thêm dấu ấn của thương hiệu Superdong trong tâm trí khách hàng.



BÁO CÁO CỦA **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016, du lịch Kiên Giang và đặc biệt là du lịch Phú Quốc vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng ấn tượng, tổng lượt khách tới Kiên Giang đạt trên 5,6 triệu lượt khách, tăng 34% so với năm 2015; trong đó, riêng Phú Quốc đã đón được trên 2,6 triệu lượt khách, tăng 62% so với năm 2015.

Vận dụng các lợi thế nêu trên kết hợp cùng sức mạnh nội tại của Công ty được thể hiện bởi chiến lược kinh doanh phù hợp, đội tàu hoạt động ổn định, đội ngũ nhân viên năng nổ, nhiệt tình, cùng mạng lưới phân phối rộng khắp đã giúp cho Công ty vượt qua các trở ngại từ việc tăng giá dầu, sự cạnh tranh tại tuyến Rạch Giá để tiếp tục gặt hái được các kết quả kinh doanh khá ấn tượng, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 16,6% và 21,6%, biên lợi nhuận ròng cực tốt khi tiếp tục được cải thiện từ 57% lên 60%.

Vị trí dẫn đầu trong thị trường của Công ty luôn được duy trì và ngày càng được củng cố vững chắc, thị phần tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc đạt 90% và tuyến Rạch Giá – Nam Du đã đạt 70%.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm qua, HĐQT đã thường xuyên duy trì công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo mọi hoạt động của Công ty được triển khai đúng nội dung các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, đảm bảo an toàn và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà HĐQT và ĐHĐCĐ giao phó, cũng như đưa ra những định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên thực hiện tốt công việc của mình. Đặc biệt, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các cải tổ về quy trình cung cấp dịch vụ, kiểm soát chi phí chặt chẽ nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng sức cạnh tranh và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Vượt qua các thách thức, khó khăn, kết quả kinh doanh năm 2016 là minh chứng rõ ràng nhất thể hiện năng lực, quyết tâm cao độ của Ban Tổng Giám đốc trong việc giám sát, điều hành Công ty. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự tinh táo, tinh thần cầu thị, nhiệt tâm với công việc của Ban Tổng Giám đốc góp phần giúp Công ty thu hoạch được nhiều thành tựu lớn trong thời gian qua.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các kết quả khảo sát đều cho thấy, du lịch biển đảo nói chung và nhu cầu vận chuyển từ đất liền tới các đảo du lịch nói riêng sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong thời gian tới, do đó Công ty sẽ tiếp tục tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống tại thị trường Kiên Giang và các địa bàn mới. Cụ thể, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục duy trì, củng cố vị trí đứng đầu tại các tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, Hà Tiên – Phú Quốc và Rạch Giá – Nam Du; đồng thời quyết tâm khai thác tốt tuyến tàu cao tốc mới Sóc Trăng – Côn Đảo và tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc trong thời gian tới.

Kinh nghiệm từ Phú Quốc đã chỉ ra rằng, để tối ưu hóa lợi nhuận, củng cố vị thế đầu ngành và tạo rào cản kỹ thuật, Công ty cần đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan nhằm hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính.

Theo đó, từ năm 2017 Công ty đầu tư thêm Bến tàu khách phức tại Sóc Trăng, gồm dịch vụ trung chuyển hàng hóa, dịch vụ ăn uống lưu động, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú; đồng thời, đầu tư vào dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, nâng cấp tàu biển để tiết kiệm chi phí và chủ động hơn trong việc chăm sóc đội tàu của Công ty.



Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	KH 2017/ TH 2016
Vốn điều lệ (đồng)	342.712.420.000	479.797.380.000	140%
Doanh thu thuần (đồng)	355.713.711.126	439.852.471.591	124%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	212.912.867.564	230.231.447.412	108%
Cổ tức (%)	50%	40%	100%

(*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHCĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2016 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2017.

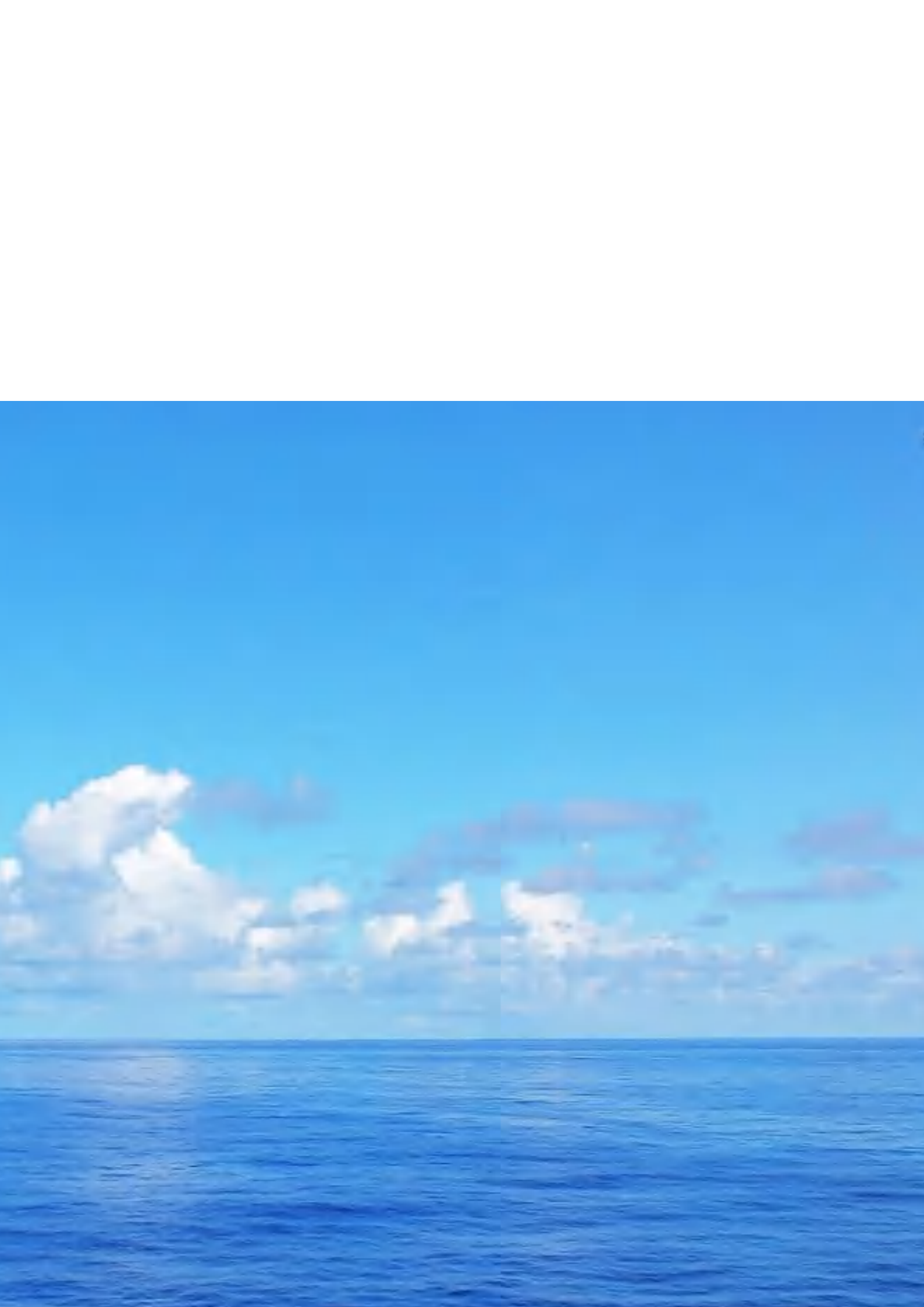




BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





MỤC TIÊU

Về hoạt động kinh doanh

- ✓ Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến khách hàng những dịch vụ thực sự chất lượng.
- ✓ Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.
- ✓ Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của Công ty đại chúng.
- ✓ Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương; qua đó làm tăng ngân sách, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

Về môi trường

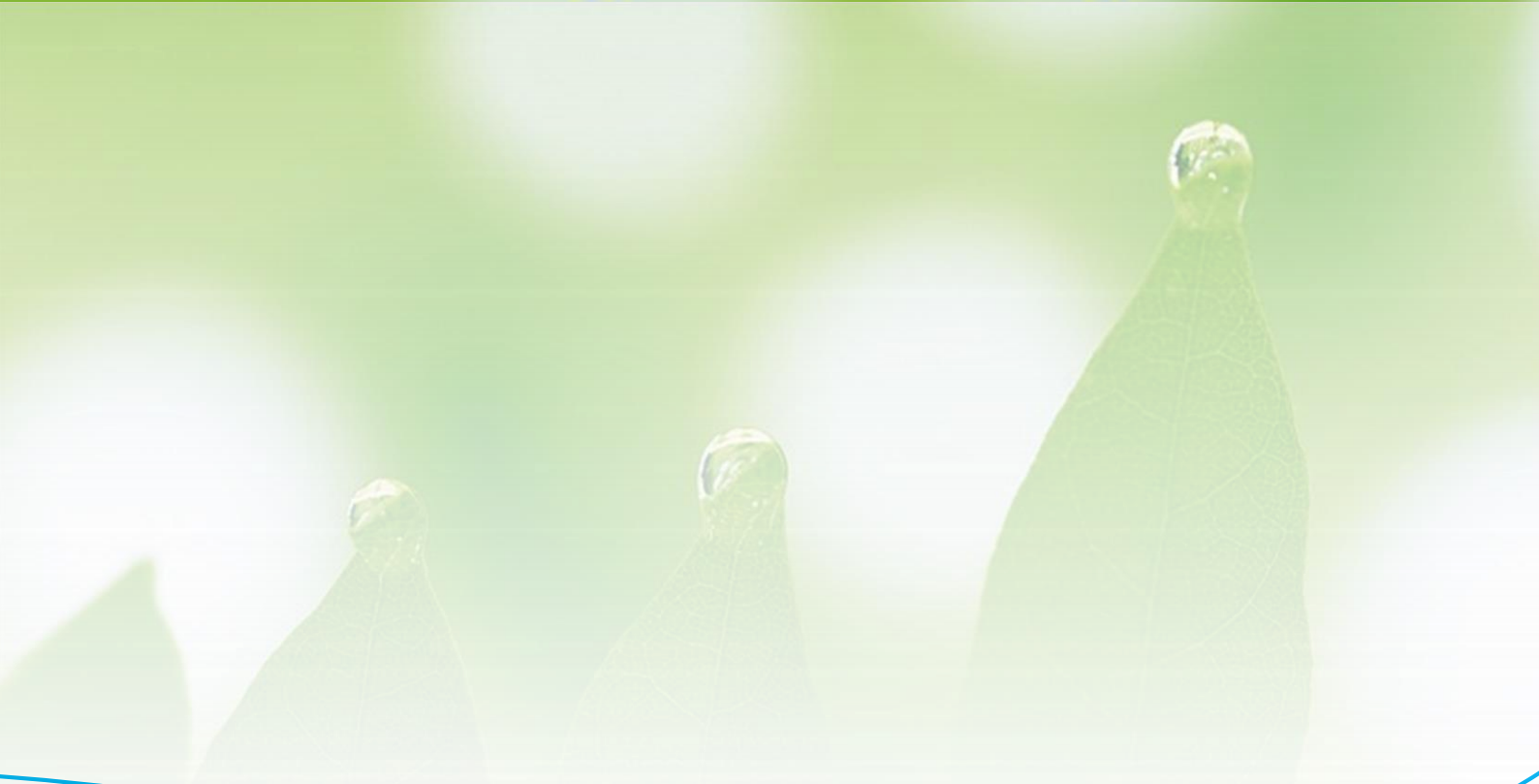
- ✓ Giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đặc biệt là môi trường biển.
- ✓ Sử dụng năng lượng tiết kiệm.
- ✓ Ưu tiên lựa chọn những công nghệ thân thiện với môi trường.

Về xã hội

- ✓ Tạo ra việc làm cho người lao động tại địa bàn hoạt động.
- ✓ Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc.
- ✓ Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi.
- ✓ Công ty luôn tự ý thức trách nhiệm của mình đối với xã hội. Tích cực tạo điều kiện, ủng hộ việc thực hiện các chương trình xã hội.



HÀNH ĐỘNG



Về hoạt động kinh doanh

Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Năm 2016, kết quả kinh doanh tiếp tục duy trì sự tăng trưởng, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tinh thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông.

SKG luôn tuân thủ các nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật. Cho đến nay những thành công có được của Công ty đều nhờ các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên và thuyền viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng các tiện ích trên tàu, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

Đối tượng/Chỉ tiêu	Giá trị mang lại trong năm 2016
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 355,714 tỷ đồng, LNST: 212,913 tỷ đồng.
Cổ đông	Cổ tức năm 2016: 50%, trong đó 40% bằng CP, 10% bằng tiền mặt.
Nhà nước	Thuế đóng góp trong năm 2016: 47,22 tỷ đồng.
Người lao động	Lương bình quân: 8.570.426 đồng/người/tháng.



Môi trường

Với việc tiếp tục duy trì hoạt động vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc, dầu DO vẫn là nhiên liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động của SKG. Việc sử dụng loại nhiên liệu này đều có tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động:

Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả

Các tàu của Công ty đều được đóng tại các công ty uy tín, có sự đảm bảo về chất lượng, với công nghệ tiên tiến và ngày càng có sự tiến bộ về mức độ thân thiện với môi trường khi được cấp chứng nhận giảm phát thải (CER) đối với bộ phận máy chính vận hành tàu. Ngoài ra, các tàu còn được Cục Đăng Kiểm Việt Nam (VR) cấp Giấy chứng nhận phù hợp cho hệ thống chống hà và ngăn ngừa ô nhiễm dầu, điều này chứng tỏ rằng các tàu của SKG không gây ra ảnh hưởng đến môi trường biển, không gây nhiễm độc cho các loài sinh vật biển và sức khỏe con người.

Loại tàu một thân 2 tầng mà Công ty đang sử dụng có mức tiêu hao nhiên liệu thấp hơn các loại tàu khác khi chạy ngoài biển, đồng thời với thiết kế phù hợp với đặc tính sóng và gió tại địa bàn hoạt động, do đó tàu cũng di chuyển với tốc độ nhanh hơn.

Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát thận trọng để đưa vào khai thác đúng thời điểm, tiêu hao nhiên liệu hợp lý để tránh gây lãng phí từ việc chuyên chở hành khách với số lượng ít nhưng vẫn phải sử dụng cùng một lượng nhiên liệu.

Tại khối văn phòng và các phòng, năng lượng điện và nước được sử dụng với mức độ hợp lý, không gây lãng phí, các dụng cụ văn phòng phẩm được sử dụng tiết kiệm và tái sử dụng.

Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

Giấy và các loại văn phòng phẩm sau khi sử dụng không còn khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom để riêng nhằm giúp đơn vị xử lý rác thải tại khu vực dễ dàng phân loại.

Tại phòng bán vé và trên các tàu cao tốc, Công ty bố trí bảng quy định về rác thải cũng như hướng dẫn cụ thể nơi gom rác, bố trí các thùng chứa rác khác nhau cho từng loại rác với mục đích hạn chế tối đa rác thải trên biển từ việc xả rác bừa bãi. Rác thải sau khi thu gom sẽ được phân loại theo những tiêu chí nhất định để mang đi xử lý đúng quy định.

Chất thải nhiên liệu được thu gom tập trung để xử lý theo quy định.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn không gây ô nhiễm môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận.

Đến nay, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.



Xã hội

Đối với người lao động

Đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, đội ngũ nhân viên và thuyền viên hiện nay đã tăng lên nhiều so với thời điểm những năm đầu hoạt động. Công ty cam kết thực hiện đúng các thỏa ước lao động với nhân viên của mình, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp và xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh, lành mạnh. Mức lương trung bình hiện nay tại Công ty trong năm qua là 8.570.426 đồng/người/tháng, dự kiến năm 2017 sẽ tăng thêm 5%. Năm qua, toàn bộ nhân viên Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ và sẽ duy trì đều đặn trong thời gian tới, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng phụ trợ nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng như đã đề cập ở phần chính sách nhân sự.

Đối với khách hàng

Tuyệt đối đảm bảo an toàn cho khách hàng trên từng chuyến tàu. Với điều kiện thời tiết không bảo đảm, Công ty sẽ không cho khởi hành tàu để chắc chắn rằng không có trường hợp đáng tiếc nào xảy ra. Vấn đề an toàn trong suốt chuyến hành trình được đặt lên trên hết. Thiết bị cứu hộ, cứu nạn của tàu luôn đạt tiêu chuẩn và được định kỳ kiểm tra, đánh giá để có kế hoạch thay thế, bổ sung kịp thời. Ngoài ra, các nhân viên hoạt động trên tàu đều được đào tạo về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn để có thể ứng phó linh hoạt với mọi tình huống, góp phần giảm thiểu tỷ lệ rủi ro đến mức thấp nhất.

Hiện với đội tàu đang hoạt động gồm 12 chiếc phục vụ tại 3 tuyến chính, Công ty có thể đảm bảo hoạt động của các tàu đều thực sự linh hoạt, đúng giờ và không bị quá tải nhằm khẳng định chất lượng dịch vụ, bảo vệ an toàn cho hành khách. Trong thời gian tới, khi tàu Superdong Côn Đảo I và phà Superdong SF I được đóng xong và chính thức đưa vào khai thác, chắc chắn sẽ phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu đi lại của hành khách.

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường để đưa ra các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng, tiếp thu ý kiến đóng góp từ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ.



Đối với cộng đồng

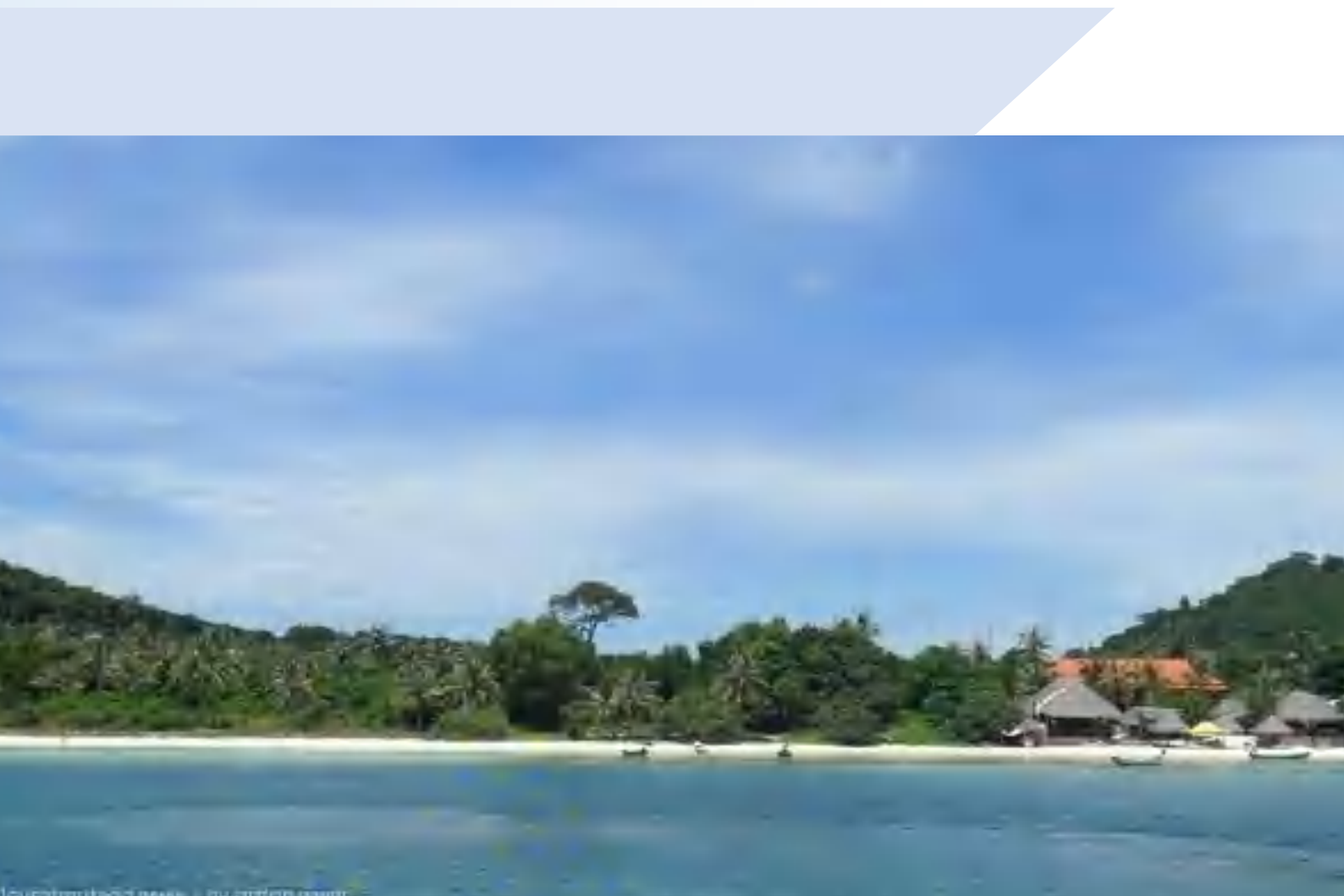
Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị ủng hộ tiền cho người nghèo, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại các địa bàn hoạt động.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích







CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	11	100%
2	Bà Quách Hồng	Thành viên	11	100%
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	11	100%
4	Ông Ting Chek Hua	Thành viên	11	100%
5	Ông Puan Chiong	Thành viên	11	100%
6	Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	11	100%
7	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	11	100%
8	Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	11	100%

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát các hoạt động của HĐQT giao cho Ban Tổng Giám đốc, chỉ đạo và định hướng phát triển Công ty; đồng thời giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2016/NQ-HĐQT	06/01/2016	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua kế hoạch đóng tàu cao tốc Superdong XI; Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị đóng tàu cao tốc Superdong XI.
2	02/2016/NQ-HĐQT	16/01/2016	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng đóng tàu cao tốc Superdong XI.
3	03/2016/NQ-HĐQT	03/02/2016	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
4	04/2016/NQ-HĐQT	11/03/2016	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc đóng tàu cao tốc Superdong XII; Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị đóng tàu cao tốc Superdong XII.
5	05/2016/NQ-HĐQT	01/04/2016	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo thường niên 2015; Thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016; Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016; Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng đóng tàu cao tốc Superdong XII.
6	06/2016/NQ-HĐQT	04/05/2016	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 40% và bằng tiền với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2016; Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và lương của Tổng Giám đốc năm 2016.

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
7	07/2016/NQ-HĐQT	12/05/2016	<ul style="list-style-type: none">Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2016.
8	08/2016/NQ-HĐQT	27/06/2016	<ul style="list-style-type: none">Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đối với 9.791.657 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015;Sửa đổi Khoản 1 Điều 5 Điều lệ Công ty về mức Vốn điều lệ phù hợp với mức vốn sau khi phát hành 9.791.657 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015;Thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp phù hợp với mức Vốn điều lệ mới của Công ty.
9	09/2016/NQ-HĐQT	06/08/2016	<ul style="list-style-type: none">Thông qua việc mở tuyến mới Côn Đảo – Sóc Trăng;Giao Ban Tổng Giám đốc chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết nhằm đăng ký và triển khai dự án theo đúng tiến độ.
10	10/2016/NQ-HĐQT	29/10/2016	<ul style="list-style-type: none">Thông qua việc đóng tàu phà cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc;Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn (thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy) là đơn vị đóng tàu phà cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc;Thông qua việc đóng tàu cao tốc cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;Thông qua việc chọn Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị đóng tàu cao tốc cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo.
11	11/2016/NQ-HĐQT	19/11/2016	<ul style="list-style-type: none">Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng đóng tàu phà cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc;Thông qua nội dung cơ bản của hợp đồng đóng tàu cao tốc cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Lê Vũ Nam – thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; tiếp tục góp phần giúp HĐQT giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Nam đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	05	100%
2	Ông Lương Văn Hồng	Thành viên	05	100%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	05	100%

Trong năm 2016, BKS đã tham gia vào các cuộc họp của HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị quyết do HĐQT ban hành nhằm đảm bảo tính hợp lý, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, BKS luôn thực hiện nghiêm túc chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát điều hành Công ty nhằm đảm bảo việc hoạt động hiệu quả, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

Trong năm 2016, BKS đã thực hiện giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, lập Báo cáo tài chính các Quý và năm 2016 cũng như triển khai các dự án đóng tàu cao tốc superdong XI, XII, triển khai mở tuyến mới Sóc Trăng - Côn Đảo và tuyến phà Hà Tiên - Phú Quốc, việc chi trả cổ tức 2015, lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2015.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tổng Lương	Tổng Thưởng	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị						
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	224.000.000	222.000.000	48.100.000	494.100.000
2	Puan Kwong Siing	TV HĐQT	96.000.000	428.000.000	104.000.000	628.000.000
3	Ting Chek Hua	TV HĐQT	96.000.000	-	-	96.000.000
4	Puan Chiong	TV HĐQT	96.000.000	-	-	96.000.000
5	Quách Hồng	TV HĐQT	160.000.000	-	-	160.000.000
6	Lê Vũ Nam	TV HĐQT	160.000.000	-	-	160.000.000
7	Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	96.000.000	-	-	96.000.000
8	Đặng Thị Ngọc Bích	TV HĐQT	96.000.000	192.000.000	38.400.000	326.400.000
Tổng			1.024.000.000	842.000.000	190.500.000	2.056.500.000
Ban Kiểm soát						
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	80.000.000	-	-	80.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	TV BKS	72.000.000	291.360.000	63.128.000	426.488.000
3	Lượng Văn Hồng	TV BKS	48.000.000	-	-	48.000.000
Tổng			200.000.000	291.360.000	63.128.000	554.488.000
Ban Điều hành						
1	Puan Kwong Siing	TGD	NT	NT	NT	NT
2	Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó TGD	-	310.000.000	78.000.000	388.000.000
3	Lưu Hải Anh	KTT	-	307.440.000	66.612.000	374.052.000
Tổng			96.000.000	1.045.440.000	248.612.000	1.390.052.000
TỔNG CỘNG			1.224.000.000	1.750.800.000	398.240.000	3.373.040.000

Hợp đồng và các giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Họ và tên (Cá nhân/Tổ chức)	Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty	Giá trị HĐ	Mục đích hợp đồng	Thông qua HĐ/GD	Tình trạng HĐ/GD
1	Công ty KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	Ông Puan Chiong và Ông Puan Kwong Siing là TVHĐQT của KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	1.490.000 USD	Đóng tàu cao tốc Superdong XI	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành việc nhập khẩu tàu Superdong XI và đã đưa vào hoạt động từ tháng 01 năm 2017
2	Công ty KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	Ông Puan Chiong và Ông Puan Kwong Siing là TVHĐQT của KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	1.500.000 USD	Đóng tàu cao tốc Superdong XII	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành việc nhập khẩu tàu Superdong XII và đã đưa vào hoạt động từ tháng 01 năm 2017
3	Công ty KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	Ông Puan Chiong và Ông Puan Kwong Siing là TVHĐQT của KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	2.000.000 USD	Đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I	Hội đồng quản trị	Đang trong giai đoạn đóng tàu, thời gian đóng tàu khoảng 09 tháng
4	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	10.000.000 VNĐ/tháng	Thuê văn phòng Hà Tiên	-	Thời hạn 05 năm, đến 08/10/2020



Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Thành viên HĐQT và người có liên quan						
1. Hà Nguyệt Nhi	CT HĐQT	1.349.092	5,51%	1.138.728	3,32%	Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu
<i>Vương Lục Muội</i>	<i>Mẹ</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
<i>Hà Vĩ Bản</i>	<i>Anh trai</i>	<i>13.350</i>	<i>0,06%</i>	<i>18.690</i>	<i>0,06%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
2. Quách Hồng	TV HĐQT	1.895.704	7,74%	2.348.351	6,85%	Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu
<i>Tăng Quảng</i>	<i>Chồng</i>	<i>1.178.571</i>	<i>4,82%</i>	<i>1.649.999</i>	<i>4,82%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
3. Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	247.375	1,01%	346.325	1,01%	Nhận cổ tức năm 2015
<i>CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam</i>	<i>Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ là CT HĐQT kiêm TGD</i>	<i>941.181</i>	<i>3,85%</i>	<i>1.117.653</i>	<i>3,26%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu</i>
4. Đặng Thị Ngọc Bích	TV HĐQT	23.350	0,10%	32.690	0,10%	Nhận cổ tức năm 2015
<i>Huỳnh Đặng Ngọc Tâm</i>	<i>Em gái</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
5. Puan Kwong Siing	TV HĐQT	5.414.486	22,12%	7.380.280	21,53%	Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu
<i>Puan Chiong</i>	<i>Anh trai</i>	<i>1.188.574</i>	<i>4,86%</i>	<i>1.664.003</i>	<i>4,86%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
<i>Puan Kiong Sii</i>	<i>Anh trai</i>	<i>606.782</i>	<i>2,48%</i>	<i>855.738</i>	<i>2,50%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015 và mua, bán cổ phiếu</i>
6. Puan Chiong	TV HĐQT	1.188.574	4,86%	1.664.003	4,86%	Nhận cổ tức năm 2015
<i>Puan Kwong Siing</i>	<i>Em trai</i>	<i>5.414.486</i>	<i>22,12%</i>	<i>7.380.280</i>	<i>21,53%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu</i>
<i>Puan Kiong Sii</i>	<i>Anh trai</i>	<i>606.782</i>	<i>2,48%</i>	<i>855.738</i>	<i>2,50%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015 và mua, bán cổ phiếu</i>
7. Ting Chek Hua	TV HĐQT	1.399.036	5,72%	614.500	1,79%	Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu
<i>Nguyễn Thị Thiên Hương</i>	<i>Vợ</i>	<i>2.744.668</i>	<i>11,21%</i>	<i>3.842.534</i>	<i>11,21%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
8. Lê Vũ Nam	TV HĐQT	10.000	0,04%	14.000	0,04%	Nhận cổ tức năm 2015

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Thành viên BKS và người có liên quan						
1. Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	5.600	0,02%	7.840	0,02%	Nhận cổ tức năm 2015
2. Lượng Văn Hồng	TV BKS	8.348	0,03%	11.687	0,03%	Nhận cổ tức năm 2015
<i>Trương Thị Kim Oanh</i>	<i>Vợ</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
3. Nguyễn Thị Ngọc Nhung	TV BKS	5.738	0,02%	8.033	0,02%	Nhận cổ tức năm 2015
<i>Âu Chí Toàn</i>	<i>Chồng</i>	<i>7.609</i>	<i>0,03%</i>	<i>10.652</i>	<i>0,03%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan						
1. Puan Kwong Siing	TV HĐQT kiêm TGDĐ Đã khai tại mục Thành viên HĐQT và người có liên quan					
2. Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó TGDĐ	7.494	0,03%	9.091	0,03%	Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu
<i>Nguyễn Văn Bớt</i>	<i>Cha</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
<i>Nguyễn Thị Ngọc Thảo</i>	<i>Mẹ</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
<i>Võ Quang Lộc</i>	<i>Chồng</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
<i>Nguyễn Thanh Phong</i>	<i>Em trai</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
Kế toán trưởng và người có liên quan						
1. Lưu Hải Anh	KTT	11.960	0,05%	7.144	0,02%	Nhận cổ tức năm 2015 và bán cổ phiếu
<i>Lưu Hải Giang</i>	<i>Em gái</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>
<i>Trần Thái Quang</i>	<i>Chồng</i>	<i>138</i>	<i>0,00%</i>	<i>193</i>	<i>0,00%</i>	<i>Nhận cổ tức năm 2015</i>

Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang là doanh nghiệp cổ vốn nước ngoài hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 28 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết ngày 08 tháng 7 năm 2014 trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SKG.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại : (84-77) 3.980.111
- Fax : (84-77) 3.846.180

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	Ngày 10 tháng 4 năm 2014
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Ting Chek Hua	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Puan Chiong	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Quách Hồng	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lương Văn Hồng	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Kwong Sieng	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 5 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ký thay Ban Tổng Giám đốc,



Hà Nguyệt Nhi
Chủ tịch HĐQT

Ngày 29 tháng 3 năm 2017





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters: 107 Tuong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hanoi: 140 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cao Thoi: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cau Thoi City
www.a-c.com.vn

Số: 0430/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERĐÔNG - KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 01 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, báo gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKKTN kiểm toán: 0099-2013-008-1

ln

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1182-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		381.708.847.970	316.076.161.137
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.653.680.105	34.212.003.296
1. Tiền	111		6.653.680.105	8.212.003.296
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	26.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		328.100.000.000	210.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	328.100.000.000	210.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.349.471.314	61.974.368.005
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	579.694.000	749.885.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26.173.475.300	59.811.962.172
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	596.302.014	1.412.520.833
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.367.631.167	8.272.655.978
1. Hàng tồn kho	141	V.6	10.367.631.167	8.272.655.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.238.065.384	1.617.133.858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	2.076.435.333	1.617.133.858
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.161.630.051	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 Khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		333.087.338.756	211.264.453.207
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.902.500.000	1.715.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.902.500.000	1.715.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		328.963.449.341	209.539.388.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	320.391.740.341	202.396.003.553
- Nguyên giá	222		419.760.734.396	277.959.624.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.368.994.055)	(75.563.620.953)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.571.709.000	7.143.384.646
- Nguyên giá	228		8.807.253.481	7.361.893.481
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(235.544.481)	(218.508.835)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		592.834.181	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	592.834.181	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		628.555.234	10.065.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	628.555.234	10.065.008
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		714.796.186.726	527.340.614.344

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.952.862.604	11.930.572.786
I. Nợ ngắn hạn	310		10.952.862.604	11.930.572.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.418.317.674	472.880.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.692.385.700	690.651.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.709.420.451	3.499.780.989
4. Phải trả người lao động	314	V.14	4.807.751.000	3.810.951.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	368.985.207	347.872.556
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		956.002.572	3.108.436.572
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

10/2
 T. H. H. A.
 10
 10
 10
 10

10/2
 T. H. H. A.
 10
 10
 10
 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

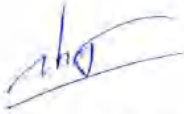
BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		703.843.324.122	515.410.041.558
I. Vốn chủ sở hữu	410		703.843.324.122	515.410.041.558
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	342.712.420.000	244.795.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>342.712.420.000</i>	<i>244.795.850.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	11.469.923.636	11.469.923.636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	9.325.309.715	9.325.309.715
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.16	3.108.436.572	3.108.436.572
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	337.227.234.199	246.710.521.635
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>124.314.366.635</i>	<i>246.710.521.635</i>
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>212.912.867.564</i>	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		714.796.186.726	527.340.614.344

Kiên Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2017


 Lâm Thị Ngọc Thương
 Người lập


 Lưu Hải Anh
 Kế toán trưởng


 Hà Nguyệt Nhi
 Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	358.427.529.517	305.365.465.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.713.818.391	391.445.536
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		355.713.711.126	304.974.020.383
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	113.654.409.757	101.504.086.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		242.059.301.369	203.469.933.708
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	12.831.510.734	7.077.493.607
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	65.790.516	80.339.241
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	27.401.678.238	23.059.838.571
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	7.764.181.144	6.132.361.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		219.659.162.205	181.274.887.816
11. Thu nhập khác	31		621.551.232	67.281.178
12. Chi phí khác	32		7.405.969	34.884.482
13. Lợi nhuận khác	40		614.145.263	32.396.696
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		220.273.307.468	181.307.284.512
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	7.360.439.904	6.327.410.556
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>212.912.867.564</u>	<u>174.979.873.956</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>6.213</u>	<u>5.106</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>6.213</u>	<u>5.106</u>

Kiên Giang, ngày 14 (tháng 01 năm 2017


Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập


Lưu Hải Anh
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		220.273.307.468	181.307.284.512
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	23.822.408.748	18.723.721.024
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	7.312.946	(9.329.997)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(12.781.069.327)	(6.865.047.571)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		231.321.959.835	193.156.627.968
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.211.346.365)	(1.877.739.000)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.094.975.189)	(3.078.277.246)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.088.544.456)	442.900.731
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.077.791.701)	(74.356.799)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(7.253.219.521)	(5.894.116.868)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		213.596.082.603	182.675.038.786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9, V.10, VII	(110.273.675.899)	(54.022.897.491)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(377.100.000.000)	(200.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	259.000.000.000	29.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	13.702.554.160	6.277.907.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(214.671.121.739)	(218.744.990.348)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

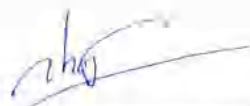
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	16.269.323.636
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15,V.16	(24.478.864.150)	(20.019.642.950)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(24.478.864.150)</u>	<u>(3.750.319.314)</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		(25.553.903.286)	(39.820.270.876)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	34.212.003.296	74.022.944.175
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		(4.419.905)	9.329.997
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	<u>8.653.680.105</u>	<u>34.212.003.296</u>

Kiên Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2017


Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập

Lưu Hải Anh
Kế toán trưởngHà Nguyệt Nhai
Chủ tịch HĐQT


CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua thêm tàu Superdong IX, X, XI và XII với giá trị gần 140 tỷ VND. Với việc mua sắm thêm các tàu mới sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu vận chuyển tại Phú Quốc trong thời gian tới.

Doanh thu và lợi nhuận năm nay gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do Công ty đưa thêm tàu Superdong VIII, IX và X vào khai thác. Bên cạnh đó, doanh thu của các tàu còn lại cũng có sự gia tăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 209 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 176 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thương xuyên cơ giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao-dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi; căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho chỉ bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập lại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

Công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Các chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 Khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Tài sản cố định hữu hình khác	05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là các chi phí thiết kế kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 10/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được căn nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phí tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.082.311.900	104.860.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.571.368.205	8.107.143.296
Các khoản tương đương tiền ¹⁾	2.000.000.000	26.000.000.000
Cộng	<u>8.653.680.105</u>	<u>34.212.003.296</u>

¹⁾ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	328.100.000.000	328.100.000.000	210.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	<u>328.100.000.000</u>	<u>328.100.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu tiền bán vé của các khách hàng trong nước.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>9.099.200.000</i>	<i>59.564.534.172</i>
Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd	9.099.200.000	59.564.534.172
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>17.074.275.300</i>	<i>247.428.000</i>
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn	16.899.706.000	-
Các nhà cung cấp khác	174.569.300	247.428.000
Cộng	<u>26.173.475.300</u>	<u>59.811.962.172</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	921.484.833	-
Tạm ứng	426.659.000	-	325.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	169.643.014	-	166.036.000	-
Cộng	596.302.014	-	1.412.520.833	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	215.000.000	-	215.000.000	-
Ứng trước vốn xây dựng cầu cảng của Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên	2.687.500.000	-	1.500.000.000	-
Cộng	2.902.500.000	-	1.715.000.000	-

Công ty không có nợ phải thu quá hạn, nợ xấu.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phụ tùng	9.625.972.069	-	7.851.793.364	-
Dầu DO	487.678.171	-	309.618.112	-
Nhiên liệu	98.850.000	-	52.933.364	-
Vật liệu	155.130.927	-	58.311.138	-
Cộng	10.367.631.167	-	8.272.655.978	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	763.812.581	621.579.500
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.312.622.752	995.554.358
Cộng	2.076.435.333	1.617.133.858

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	469.812.503	10.065.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	158.742.731	-
Cộng	628.555.234	10.065.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.898.625.100	273.890.690.549	53.560.000	116.748.857	277.959.624.506
Mua trong năm	-	141.279.278.545	521.831.345	-	141.801.109.890
Số cuối năm	3.898.625.100	415.169.969.094	575.391.345	116.748.857	419.760.734.396
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	36.949.092	53.560.000	116.748.857	207.257.949
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	286.999.885	75.106.312.211	53.560.000	116.748.857	75.563.620.953
Khấu hao trong năm	164.581.260	23.554.362.877	86.428.965	-	23.805.373.102
Số cuối năm	451.581.145	98.660.675.088	139.988.965	116.748.857	99.368.994.055
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.611.625.215	198.784.378.338	-	-	202.396.003.553
Số cuối năm	3.447.043.955	316.509.294.006	435.402.380	-	320.391.740.341
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.126.349.000	144.635.390	90.909.091	7.361.893.481
Mua trong năm	-	672.360.000	773.000.000	1.445.360.000
Số cuối năm	7.126.349.000	816.995.390	863.909.091	8.807.253.481
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	144.635.390	90.909.091	235.544.481
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	127.599.744	90.909.091	218.508.835
Khấu hao trong năm	-	17.035.646	-	17.035.646
Số cuối năm	-	144.635.390	90.909.091	235.544.481
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.126.349.000	17.035.646	-	7.143.384.646
Số cuối năm	7.126.349.000	672.360.000	773.000.000	8.571.709.000
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Công trình xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty tại tỉnh Kiên Giang.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý bến cảng Phú Quốc	107.170.000	6.390.000
Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Phi Hải	525.000.000	-
Công Ty TNHH Phần mềm BRB	253.741.825	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	146.492.500	-
Công ty TNHH xăng dầu Kiên Giang	-	137.860.000
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam SATCO	-	78.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Toàn Thuận Phát Kiên Giang	-	69.900.000
Các nhà cung cấp khác	385.913.349	180.730.669
Cộng	1.418.317.674	472.880.669

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Các khách hàng trong nước trả trước tiền vé.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.908.592.086	24.579.236.699	(26.487.828.785)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	14.355.869.001	(14.355.869.001)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	23.046.254	(23.046.254)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.559.571.121	7.360.439.904	(7.253.219.521)	1.666.791.504
Thuế thu nhập cá nhân	31.617.782	1.494.410.902	(1.483.399.737)	42.628.947
Các loại thuế khác	-	1.270.587.227	(1.270.587.227)	-
Cộng	3.499.780.989	49.083.589.987	(50.873.950.525)	1.709.420.451

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 thay đổi lần thứ 12 cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian thực hiện dự án; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ 09 kể từ năm Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Công ty còn được giảm thuế đến năm 2020 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong I và tàu Superdong II, giảm thuế đến năm 2022 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong III và Superdong IV, các tàu còn lại đang được miễn thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	220.273.307,468	181.307.284,512
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.178.346,214	1.357.823,520
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	222.451.653,682	182.665.108,032
- Thu nhập hoạt động kinh doanh được ưu đãi	209.056.439,092	175.717.677,486
- Thu nhập khác	13.395.214,590	6.947.430,546
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	23.584.686,827	19.100.202,469
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(16.224.246,923)	(12.772.791,913)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.360.439,904	6.327.410,556

Theo Biên bản làm việc số 03/BBL - CCT ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thuế huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mở rộng, Công ty sẽ không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2013. Chi cục thuế cũng yêu cầu Công ty tự xác định lại ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mở rộng mà Công ty không được hưởng ưu đãi; được hưởng ưu đãi theo đúng qui định qua từng thời kỳ và áp dụng cho các kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo qui định của pháp luật về thuế trong hồ sơ kê khai thuế trước khi cơ quan thuế có quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại Công ty. Hiện tại, Công ty đã gửi Công văn giải trình về vấn đề này cho Chi cục thuế nhưng chưa có kết luận cuối cùng.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	5.497,140
Thủ lao Hội đồng quản trị	99.825,000	64.850,000
Cổ tức phải trả	2.524,800	1.803,950
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	266.635,407	275.721,466
Cộng	368.985,207	347.872,556

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.997.920.000	-	9.325.309.715	3.108.436.572	131.728.969.679	344.160.635.966
Tăng vốn từ lợi nhuận	39.998.530.000	-	-	-	(39.998.530.000)	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	4.799.400.000	11.469.923.636	-	-	-	16.269.323.636
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	174.979.873.956	174.979.873.956
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.999.792.000)	(19.999.792.000)
Số dư cuối năm trước	<u>244.795.850.000</u>	<u>11.469.923.636</u>	<u>9.325.309.715</u>	<u>3.108.436.572</u>	<u>246.710.521.635</u>	<u>515.410.041.558</u>
Số dư đầu năm nay	244.795.850.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	246.710.521.635	515.410.041.558
Tăng vốn từ lợi nhuận	97.916.570.000	-	-	-	(97.916.570.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	212.912.867.564	212.912.867.564
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.479.585.000)	(24.479.585.000)
Số dư cuối năm nay	<u>342.712.420.000</u>	<u>11.469.923.636</u>	<u>9.325.309.715</u>	<u>3.108.436.572</u>	<u>337.227.234.199</u>	<u>703.843.324.122</u>

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ chi trả cổ tức 40% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 25 tháng 4 năm 2016. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 97.916.570.000 VND. Ngày 28 tháng 6 năm 2016 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 15 dự Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 342.712.420.000 VND.

16c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.271.242	24.479.585
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.271.242	24.479.585
- Cổ phiếu phổ thông	34.271.242	24.479.585
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.271.242	24.479.585
- Cổ phiếu phổ thông	34.271.242	24.479.585
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2016 với số tiền chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt là 24.479.585.000 VND và bằng cổ phiếu là 9.791.657 cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu).

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền báo gồm 358,48 USD (số đầu năm là 237,471.68 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀO CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhiên liệu	45.186.138.715	48.356.787.596
Chi phí nhân công	19.487.750.475	15.485.981.944
Chi phí khấu hao	23.559.085.100	18.627.475.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.039.119.459	10.381.922.007
Chi phí khác	11.382.316.008	8.651.919.597
Cộng	113.654.409.757	101.504.086.675

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.781.069.327	6.865.047.571
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29.911.786	49.986.279
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	19.661.421	153.129.760
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	868.200	9.329.997
Cộng	12.831.510.734	7.077.493.607

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	57.609.370	80.339.241
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.181.146	-
Cộng	65.790.516	80.339.241

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.234.569.760	4.217.632.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.308.534	73.531.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.393.069.427	1.753.340.759
Chi phí khác	19.596.730.517	17.015.334.332
Cộng	27.401.678.238	23.059.838.571

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.603.167.691	2.210.991.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.015.114	22.714.236
Thuế, phí và lệ phí	-	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.214.582.752	3.154.726.589
Chi phí khác	860.415.587	738.929.247
Cộng	<u>7.764.181.144</u>	<u>6.132.361.687</u>

8. Lợi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	212.912.867.564	174.979.873.956
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	212.912.867.564	174.979.873.956
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm ^(*)	34.271.242	34.271.347
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>6.213</u>	<u>5.106</u>

^(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.479.585	19.999.792
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế	9.791.657	9.791.657
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2015 từ lợi nhuận sau thuế	-	4.479.898
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>34.271.242</u>	<u>34.271.242</u>

8b. Thông tin khác

Trong năm 2016 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 7.267 VND xuống còn 5.106 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.186.138.715	48.356.787.596
Chi phí nhân công	27.325.487.926	21.914.605.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.822.408.748	18.723.721.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.646.771.638	15.289.989.355
Chi phí khác	31.839.462.112	26.411.183.176
Cộng	<u>148.820.269.139</u>	<u>130.696.286.933</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ứng trước tiền mua tài sản cố định với số tiền là 25.998.906.000 VND (Số đầu năm là 59.564.534.172 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.389.135.000 VND (năm trước là 1.452.650.000 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.	Công ty cổ cùng chủ đầu tư
Kaibuok Industrial Sdn.Bhd.	Công ty cổ cùng chủ đầu tư



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.</i>		
Mua tàu và phụ tùng thay thế	-	31.162.375.066
<i>Kaibuok Industrial Sdn.Bhd.</i>		
Mua tàu và phụ tùng thay thế	141.321.958.562	43.656.921.672
Trả trước tiền mua tàu	9.099.200.000	-

Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.10.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và trong một khu vực địa lý là tỉnh Kiên Giang.

3. Số liệu so sánh**3a. Các sai sót**

Báo cáo tài chính năm 2015, Công ty đã trình bày các khoản tương đương tiền dựa trên thời gian đáo hạn không quá 03 tháng của các khoản tiền gửi có kỳ hạn kể từ thời điểm kết thúc niên độ mà không dựa trên kỳ hạn gốc là chưa phù hợp với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Các khoản tương đương tiền	112	80.000.000.000	(54.000.000.000)	26.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	156.000.000.000	54.000.000.000	210.000.000.000
<i>Bộ cáo lưu chuyển tiền tệ</i>				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(146.700.000.000)	(54.000.000.000)	(200.700.000.000)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	88.212.003.296	(54.000.000.000)	34.212.003.296

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	1.418.317.674	-	-	1.418.317.674
Các khoản phải trả khác	366.460.407	-	-	366.460.407
Cộng	1.784.778.081	-	-	1.784.778.081
Số đầu năm				
Phải trả người bán	472.880.669	-	-	472.880.669
Các khoản phải trả khác	347.872.556	-	-	347.872.556
Cộng	820.753.225	-	-	820.753.225

330044
CÔNG
CH NHIỆM
TOÁN V
A &
NH-T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Công ty có các khoản tiền và tương đương tiền có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26.000.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do số dư tiền gửi có kỳ hạn thấp.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.653.680.105	-	34.212.003.296	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	328.100.000.000	-	210.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	579.694.000	-	749.885.000	-
Các khoản phải thu khác	384.643.014	-	1.302.520.833	-
Cộng	337.718.017.119	-	246.264.409.129	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	1.418.317.674	472.880.669
Các khoản phải trả khác	366.460.407	347.872.556
Cộng	1.784.778.081	820.753.225

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiên Giang, ngày 14 tháng 01 năm 2017



Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu



Lưu Hải Anh
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi
Chủ tịch HĐQT





CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG



Kiên Giang, ngày 08 tháng 04 năm 2017
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HÀ NGUYỆT NHI